BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Ngô Thị Thanh

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Văn Tưởng

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN ĐÔNG Á.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Ngô Thị Thanh

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Văn Tưởng

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Ngô Thị Thanh Mã SV: 1312401001

Lớp: QT1703K Ngành: Kế toán- Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Trình bày các cơ sở lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á.
- Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á, sử dụng số liệu năm 2016.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á
- Địa chỉ: Số 670 Trần Nhân Tông, phường Nam Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Phạm Văn Tưởng**

Học hàm, học vị: **Thạc sĩ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn: **Khóa luận tốt nghiệp**

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày … tháng…… năm …

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày …… tháng …… năm …

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN	Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên	*Người hướng dẫn*

Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU 1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ 2
1.1 Lý luận chung về doanh thu 2
1.1.1 Khái niệm về doanh thu 2
1.1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu: 2
1.1.3 Phân loại doanh thu 3
1.1.3.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 3
1.1.3.2 Doanh thu hoạt động tài chính 6
1.1.3.3 Các khoản giảm trừ doanh thu 8
1.1.3.4 Thu nhập khác 10
1.2 Lý luận chung về chi phí 12
1.2.1 Khái niệm về chi phí 12
1.2.2 Nguyên tắc hạch toán 12
1.2.3 Phân loại chi phí 12
1.2.3.1 Phân loại chi phí theo nội dung kinh tế (theo yếu tố) 12
1.2.3.2 Phân loại chi phí theo công dụng kinh tế(theo khoản mục) 13
1.2.3.3 Phân loại chi phí theo mối quan hệ giữa chi phí và quy mô SXKD. 13
1.2.4 Các loại chi phí sử dụng trong công ty. 13
1.2.4.1 Chi phí giá vốn hàng bán 13
1.2.4.2 Chi phí tài chính 16
1.2.4.3 Chi phí quản lý kinh doanh 18
1.2.4.4 Chi phí khác. 20
1.2.4.5 Chi phí thuế thu nhập doan.h nghiệp 21
1.3 Lý luận chung về xác định kết quả kinh doanh 23
1.3.1 Khái niệm 23
1.3.2 Phân loại 23
1.3.3 Quy trình hạch toán 25
1.4 Vận dụng ghi sổ kế toán theo các hình thức kế toán 26
1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung: 26
1.4.2 Hình thức Nhật ký – Sổ cái: 28
1.4.3 Hình thức chứng từ- ghi sổ : 28

1.4.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính..... 29
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN ĐÔNG Á..... 30
2.1 Tổng quan về công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á..... 30
2.1.1 Giới thiệu chung về công ty..... 30
2.1.2 Ngành nghề kinh doanh..... 31
2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty..... 31
2.1.3.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý ở công ty..... 31
2.1.3.2 Cơ cấu và chức năng bộ máy kế toán của công ty..... 32
2.1.4 Hình thức hạch toán kế toán..... 33
2.1.4.1 Chế độ và các chính sách kế toán tại công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á..... 33
2.1.4.2 Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á..... 33
2.2 Thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á..... 34
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:..... 34
2.2.1.1 Nội dung..... 34
2.2.1.2 Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng:..... 34
2.2.1.3 Chứng từ sử dụng:..... 35
2.2.1.4 Quy trình hạch toán..... 35
2.2.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính..... 47
2.2.2.1 Nội dung:..... 47
2.2.2.2 Tài khoản và sổ sách sử dụng:..... 47
2.2.2.3 Chứng từ sử dụng:..... 47
2.2.2.4 Quy trình hạch toán..... 47
2.2.3 Kế toán thu nhập khác..... 51
2.2.3.1 Nội dung:..... 51
2.2.3.2 Tài khoản và sổ sách sử dụng:..... 51
2.2.3.3 Chứng từ sử dụng:..... 51
2.2.3.4 Quy trình hạch toán..... 51
2.2.4 Kế toán giá vốn hàng bán..... 57
2.2.4.1 Nội dung:..... 57
2.2.4.2 Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng:..... 57
2.2.4.3 Chứng từ sử dụng:..... 57

2.2.4.4 Quy trình hạch toán 57
2.2.5 Kế toán chi phí tài chính: 62
2.2.5.1 Nội dung: 62
2.2.5.2 Tài khoản và sổ sách sử dụng: 62
2.2.5.3 Chứng từ sử dụng: 62
2.2.5.4 Quy trình hạch toán: 62
2.2.6 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh 66
2.2.6.1 Nội dung: 66
2.2.6.2 Tài khoản và sổ sách sử dụng: 66
2.2.6.3 Chứng từ sử dụng: 66
2.2.6.4 Quy trình hạch toán 66
2.2.7 Kế toán chi phí khác 73
2.2.8 Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh 73
2.2.8.1 Nội dung: 73
2.2.8.2 Tài khoản và sổ sách sử dụng : 73
2.2.8.3 Chứng từ sổ sách 74
2.2.8.4 Quy trình hạch toán 74
CHƯƠNG 3: CÁC GIẢI PHÁP NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN ĐÔNG Á 83
3.1 Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á. 83
3.1.1 Yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. 83
3.1.2 Ưu điểm: 83
3.1.2.1 Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh: 83
3.1.2.2 Về tổ chức bộ máy kế toán: 83
3.1.2.3 Về chứng từ kế toán và tài khoản sử dụng: 84
3.1.2.4 Về tổ chức hệ thống sổ sách kế toán: 84
3.1.2.5 Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty: 84
3.1.3 Nhược điểm: 84
3.1.3.1 Chưa phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần. ...84
3.1.3.2 Chế độ kế toán 85
3.1.3.3 Chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán: 85

3.1.3.4 Chưa ứng dụng khoa học công nghệ trong tổ chức kế toán..... 85
3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á. 85
3.2.1 Giải pháp 1: Phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần. 85
3.2.2 Giải pháp 2: Nên áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014/ TT-BTC. 88
3.2.3 Giải pháp 3 : Nên áp dụng chiết khấu thanh toán. 90
3.2.4 Giải pháp 4: Nên áp dụng công nghệ kỹ thuật vào công tác kế toán..... 91
KẾT LUẬN 93
TÀI LIỆU THAM KHẢO 94

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ..... 4
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp..... 4
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức ký gửi đại lý..... 5
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức hàng đổi hàng 5
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp..... 5
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính 7
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán các khoản giảm trừ doanh thu..... 9
Sơ đồ 1.8 : Sơ đồ hạch toán thu nhập khác..... 11
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX..... 15
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính..... 17
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh..... 19
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí khác..... 21
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp..... 22
Sơ đồ 1. 14: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh..... 25
Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung 27
Sơ đồ 2.1 Mô hình cơ cấu tổ chức của công ty..... 31
Sơ đồ 2.2 : Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán 32
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung 34
Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ..... 35
Sơ đồ 2.5: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính..... 47
Sơ đồ 2.6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác..... 51
Sơ đồ 2.7: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán. 57
Sơ đồ 2.8: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính..... 62
Sơ đồ 2.9: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh..... 66
Sơ đồ 2.10 : Sơ đồ hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh 74

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hợp đồng giao nhận thầu xây lắp công trình 37
Biểu số 2.2 : Hóa đơn GTGT (HĐ0000335) 40
Biểu số 2.3 : Hóa đơn GTGT (HĐ0000338) 41
Biểu số 2.4: Trích sổ nhật ký chung 42
Biểu số 2.5: Sổ cái TK 511 43
Biểu số 2.8: Sổ cái TK 131 44
Biểu số 2.7: Sổ chi tiết thanh toán với người mua 45
Biểu số 2.8: Trích bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua 46
Biểu số 2.9: Giấy báo có ngân hàng (GBC 12/0008) 48
Biểu số 2.10: Trích sổ nhật ký chung 49
Biểu số 2.11: Sổ cái TK 515 50
Biểu số 2.12 : Biên bản thanh lý tài sản cố định. 52
Biểu số 2.13: Hóa đơn GTGT (HĐ0000337) 53
Biểu số 2.14: Giấy báo có ngân hàng (GBC 12/0006) 54
Biểu số 2.15: Trích sổ nhật ký chung 55
Biểu số 2.16: Sổ cái TK 711 56
Biểu số 2. 17: Phiếu tính giá 58
Biểu số 2. 18: Phiếu kế toán 59
Biểu số 2.19: Trích sổ nhật ký chung 60
Biểu số 2.20: Sổ cái TK 632 61
Biểu số 2.21 : Giấy báo nợ (GBN 12/ 0007) 63
Biểu số 2.22: Trích sổ nhật ký chung 64
Biểu số 2.23: Sổ cái TK 635 65
Biểu số 2.24: Hóa đơn GTGT HĐ0000926 68
Biểu số 2.25 : Phiếu chi PC74/ 12 69
Biểu số 2.26: Hóa đơn GTGT HĐ0000769 70
Biểu số 2.27: Trích sổ nhật ký chung 71
Biểu số 2.28: Sổ cái TK 642 72
Biểu số 2.29 : Phiếu kế toán 75
Biểu số 2.30: Trích sổ nhật ký chung 78
Biểu số 2.31: Sổ cái TK 911 79
Biểu số 2.32: Sổ cái TK 821 80
Biểu số 2.33: Sổ cái TK 421 81

Biểu số 2.34: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 82
Biểu số 3.1 : Bảng chi tiết kết quả kinh doanh của từng công trình trong doanh nghiệp : 87
Biểu số 3.2: Báo cáo kết quả kinh doanh 89
Biểu số 3.3: Đề xuất tỷ lệ chiết khấu thanh toán 90

LỜI MỞ ĐẦU

Mỗi doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển thì trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình luôn phải tạo được doanh thu và đảm bảo được lợi nhuận từ khoản doanh thu đó. Doanh thu có thể được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau do đó quy trình hạch toán cũng được phân chia thành nhiều loại, mỗi nguồn doanh thu lại có một quy trình hạch toán khách nhau. Chính vì vậy, từng doanh nghiệp phải làm tốt công tác quản lý, công tác tổ chức kế toán, đặc biệt là công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đây là công cụ giúp cho doanh nghiệp tồn tại và phát triển bền vững.

Qua quá trình tìm hiểu thực tế tại công ty Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á, được sự giúp đỡ và chỉ bảo tận tình của thầy cô giáo, ban lãnh đạo và phòng kế toán công ty, em đã có cơ hội tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty và đi sâu vào nghiên cứu đề tài: " Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á".

Đề tài gồm 3 nội dung chính:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á.

Chương 3: Các giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á.

Do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Ngô Thị Thanh

CHƯƠNG 1
LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1 Lý luận chung về doanh thu

1.1.1 Khái niệm về doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn của sở hữu.

1.1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu:

➢ ***Doanh thu bán hàng*** : được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

➢ ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

➢ ***Doanh thu hoạt động tài chính:*** được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

1.1.3 Phân loại doanh thu

1.1.3.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

❖ *Khái niệm:*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán(công vận chuyển, chi phí lắp đặt,..)nếu có.

Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng:

- *Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp*: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.
- *Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý*: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.
- *Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng*: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.
- *Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp*: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

❖ *Tài khoản sử dụng :*

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản này có 4 tài khoản cấp 2

5111- Doanh thu bán hàng hóa

5112- Doanh thu bán các thành phẩm

5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ

5118- Doanh thu khác

Kết cấu tài khoản 511

Nợ	**TK 511**	**Có**
- Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Các khoản CKTM, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. - Kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911		- Tổng số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Tài khoản 511 không có số dư

❖ *Chứng từ sử dụng :*

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- Các chứng từ thanh toán : phiếu thu, giấy báo có ngân hàng, bảng kê của ngân hàng, ủy nhiệm thu, sec thanh toán, sec chuyển khoản…
- Chứng từ liên quan khác: Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại

❖ *Sơ đồ hạch toán :*

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

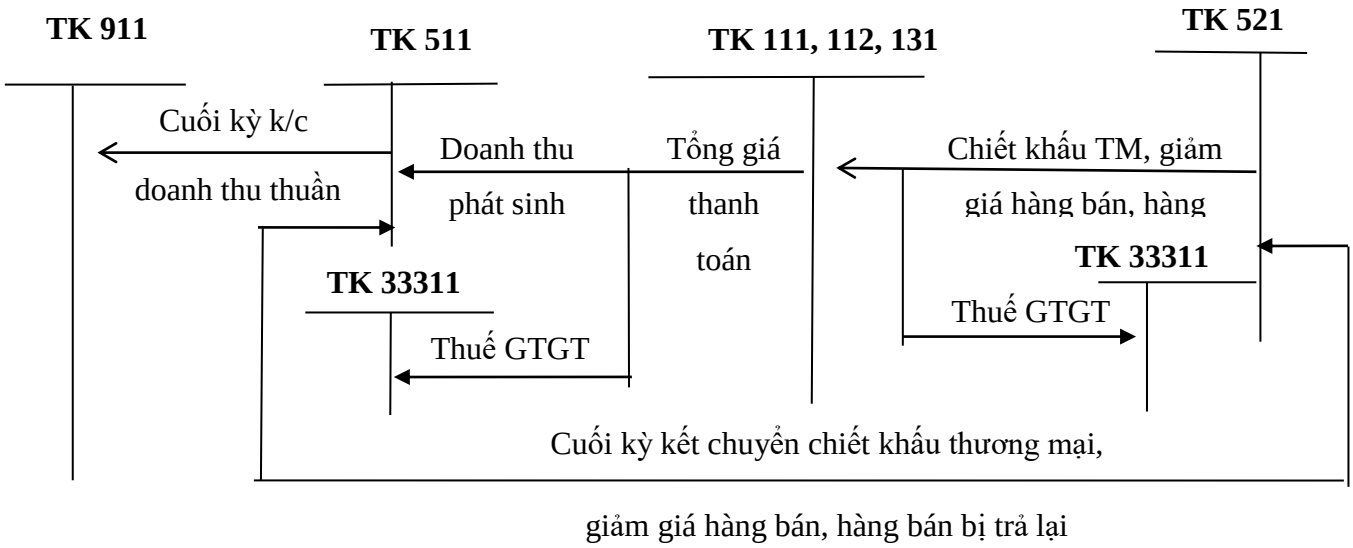

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

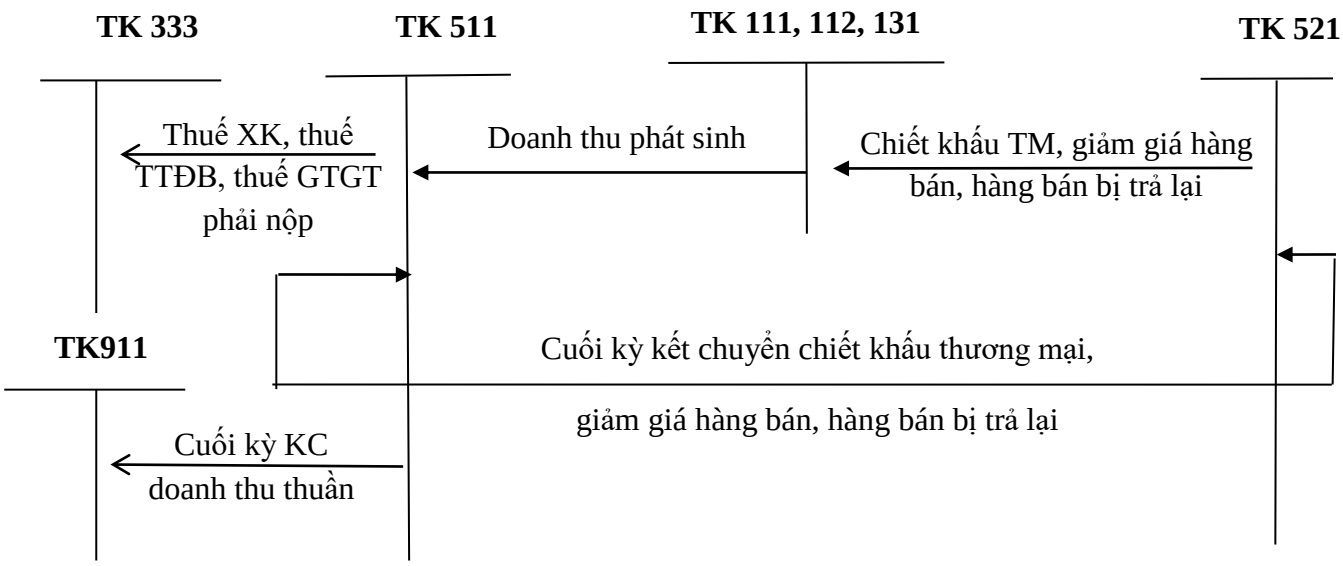

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức ký gửi đại lý

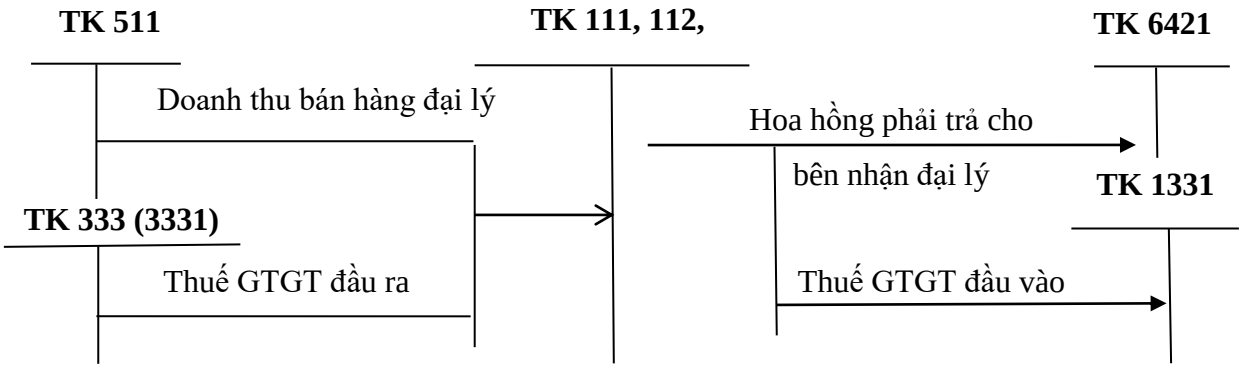

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức hàng đổi hàng

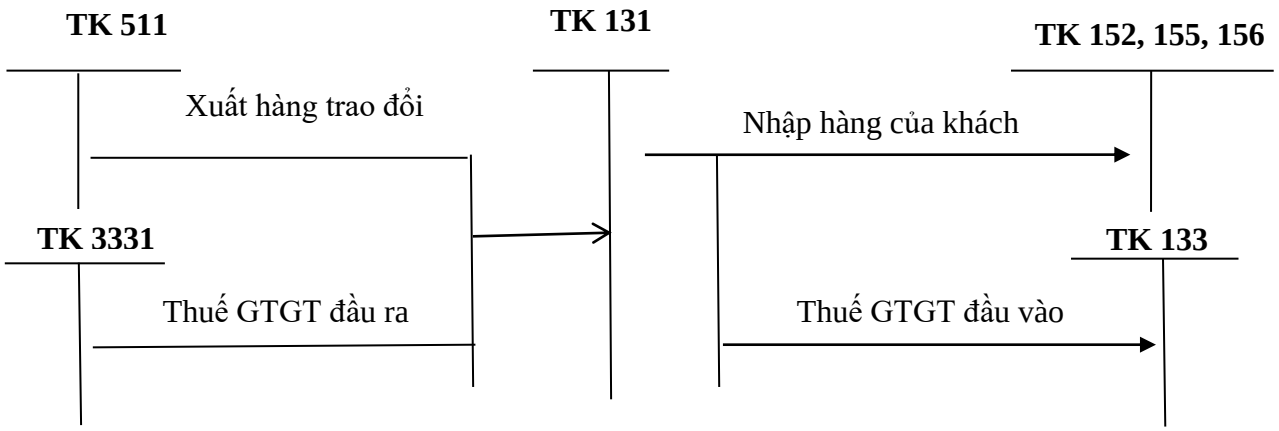

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp

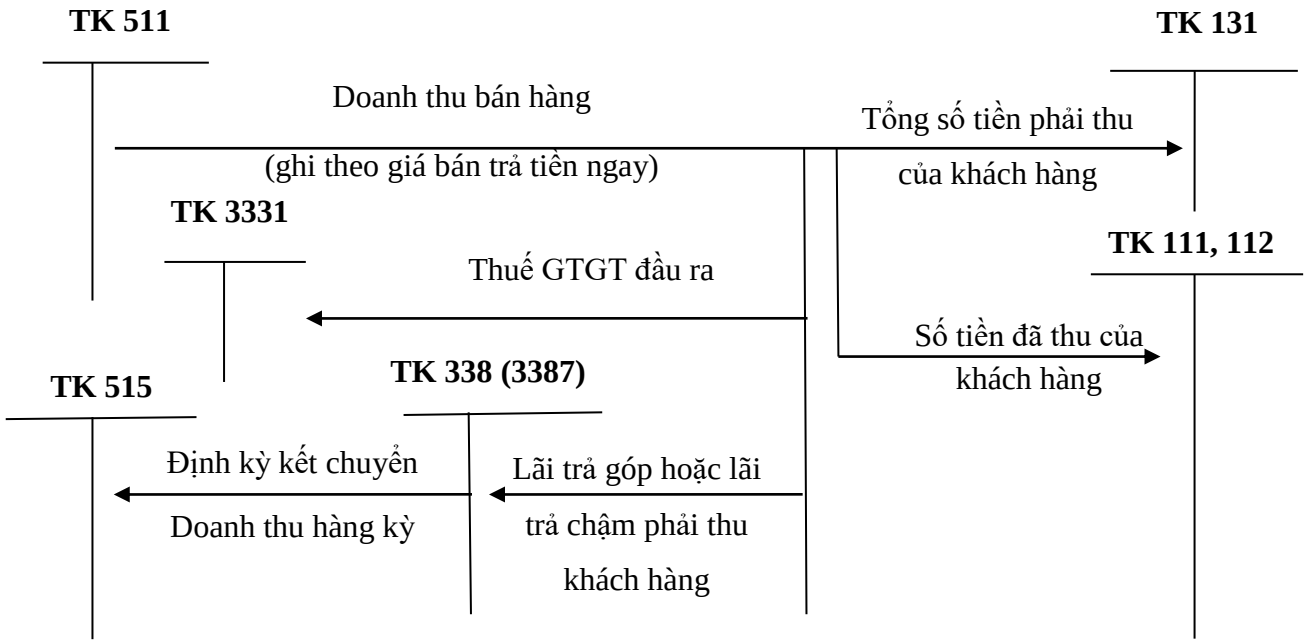

1.1.3.2 Doanh thu hoạt động tài chính

❖ *Khái niệm:*

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ…
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Lãi tỷ giá hối đoái
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Chênh lệch lãi do chuyển nhượng vốn
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

❖ *Tài khoản sử dụng:*

Tài khoản 515 : Doanh thu hoạt động tài chính

Kết cấu tài khoản 515

Nợ	**TK 515**	**Có**
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911.		- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia. - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, liên danh, liên kết. - Chiết khấu thương mại được hưởng lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ…
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Tài khoản 515 không có số dư.

❖ *Sơ đồ hạch toán*

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính

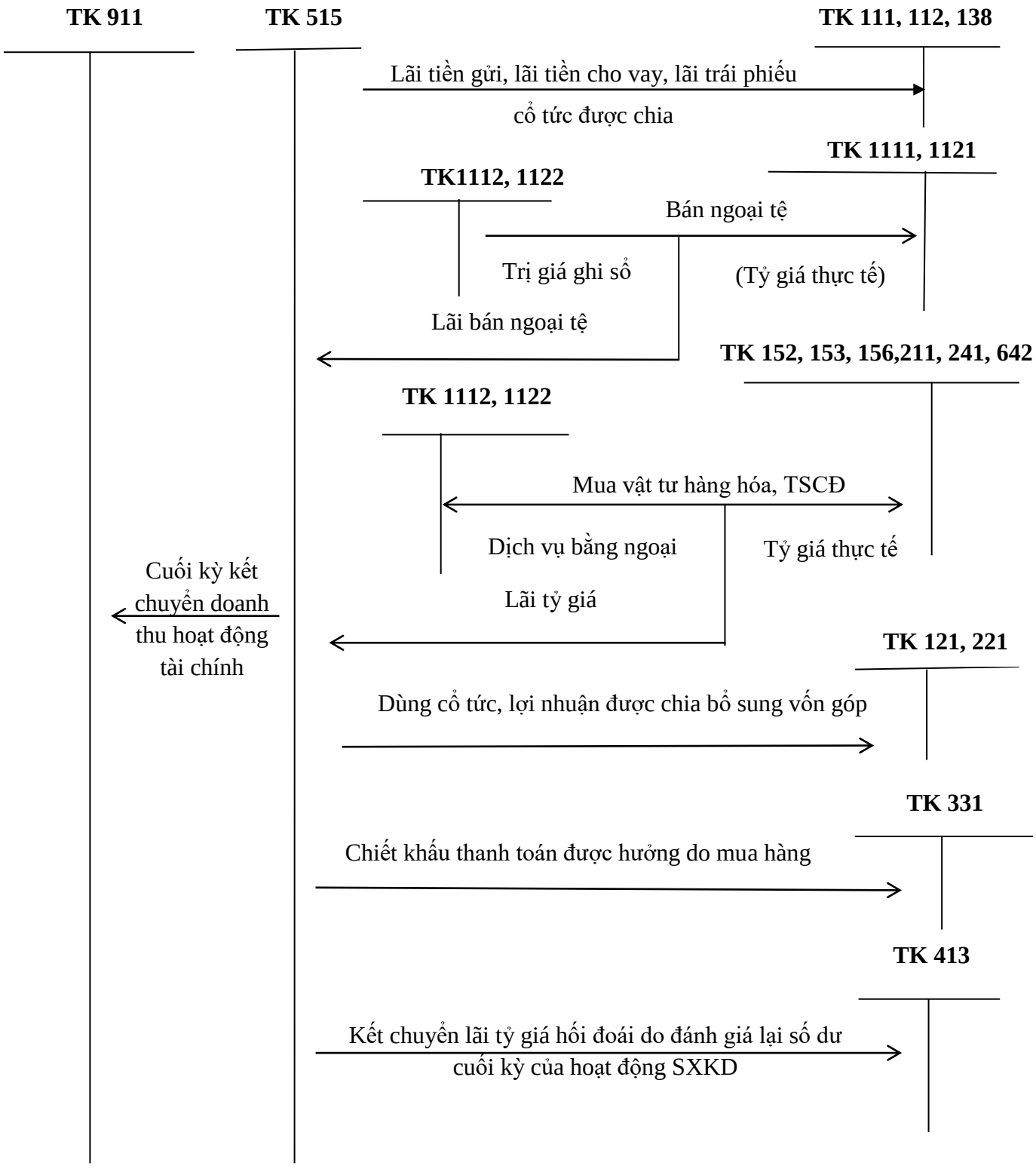

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Giấy báo có, giấy báo lãi của ngân hàng.
- Phiếu thu, phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.1.3.3 Các khoản giảm trừ doanh thu

❖ *Khái niệm*

Các khoản giảm trừ doanh thu như: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp và thuế xuất nhập khẩu. Các khoản giảm trừ doanh thu là cơ sở để tính doanh thu thuần và kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

- *Chiết khấu thương mại*: là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.

- *Giảm giá hàng bán*: là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- *Hàng bán bị trả lại*: là giá trị của hàng hóa, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

- *Thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp trực tiếp)*: thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: là loại thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- *Thuế xuất khẩu*: là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

❖ *Tài khoản sử dụng:*

Tài khoản này có 3 tài khoản cấp 2

5211- Chiết khấu thương mại

5212- Hàng bán bị trả lại

5213- Giảm giá hàng bán

Kết cấu tài khoản 521

Nợ	**TK 521**	**Có**
− Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. − Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán. − Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ.		− Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang TK 511.
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Tài khoản 521 không có số dư.

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn GTGT, phiếu chi.
- Giấy báo nợ, các chứng từ khác có liên quan

❖ *Sơ đồ hạch toán*

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

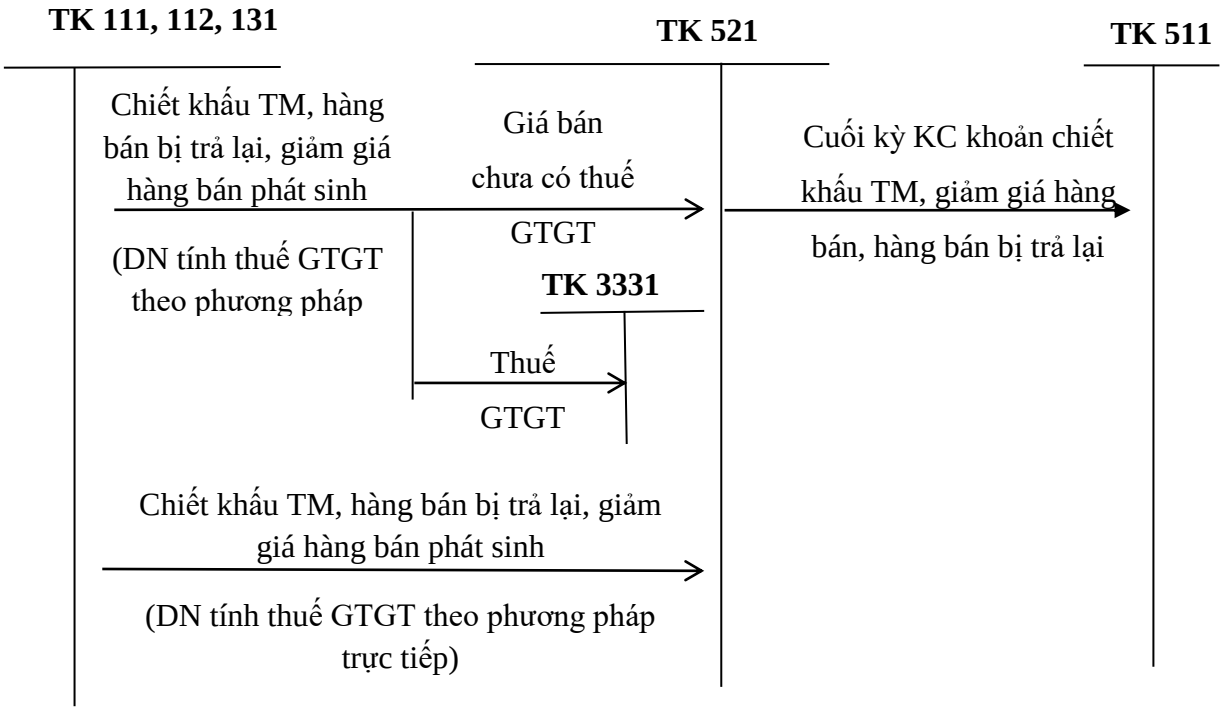

1.1.3.4 Thu nhập khác

❖ *Khái niệm:*

Là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu cho doanh nghiệp như các khoản nhận được khi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

Theo chuẩn mực kế toán số 14, thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.
- Thu các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước.
- Các khoản thu khác.

❖ *Tài khoản sử dụng:*

Tài khoản 711- thu nhập khác

Kết cấu tài khoản 711

Nợ	**TK 711**	**Có**
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở DN nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911.		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Tài khoản 711 không có số dư .

❖ *Chứng từ sử dụng :*

- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ *Sơ đồ hạch toán*

Sơ đồ 1.8 : Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

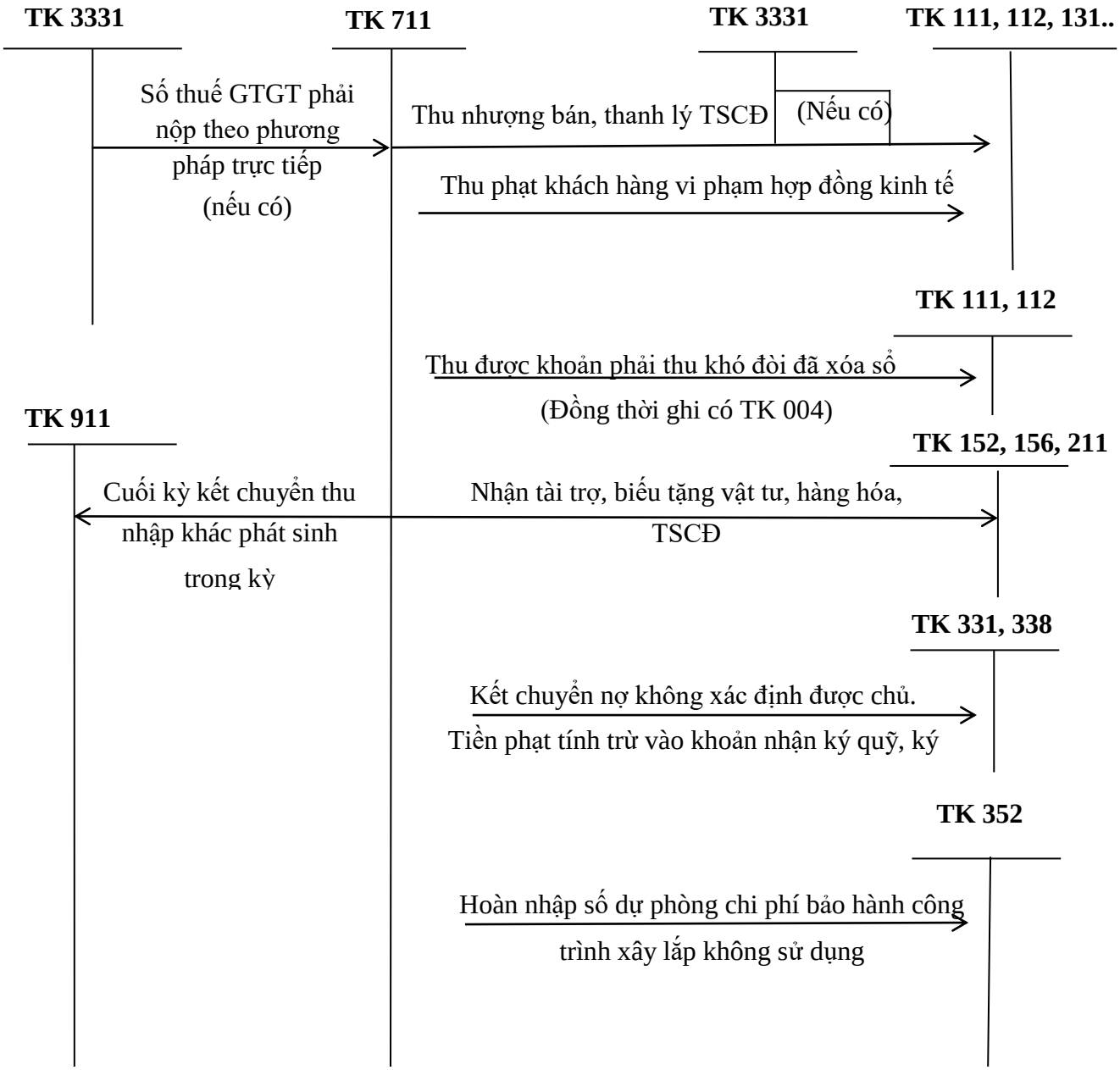

1.2 Lý luận chung về chi phí

1.2.1 Khái niệm về chi phí

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu.

1.2.2 Nguyên tắc hạch toán

- Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.
- Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất của giao dịch một cách trung thực hợp lý.
- Kế toán phải theo dõi chi tiết các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố, tiền lương, nguyên vật liệu, chi phí mua ngoài, khấu hao TSCĐ…
- Các khoản chi phí không được coi là chi phí được trừ theo quy định của Luật thuế TNDN nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.
- Các tài khoản phản ánh chi phí không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển tất cả các khoản chi phí phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

1.2.3 Phân loại chi phí

1.2.3.1 Phân loại chi phí theo nội dung kinh tế (theo yếu tố)

- *Chi phí nguyên liệu và vật liệu*: Bao gồm giá mua, chi phí mua nguyên liệu dùng cho hoạt động sản xuất trong kỳ. Yếu tố này bao gồm: Chi phí nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế và chi phí nguyên vật liệu khác.
- *Chi phí nhân công*:Là các khoản về tiền lương phải trả cho người lao động, các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn theo tiền lương người lao động.
- *Chi phí khấu hao máy móc thiết bị* :Bao gồm khấu hao của tất cả tài sản cố định dùng vào hoạt động sản xuất trong kỳ của doanh nghiệp.

- *Chi phí dịch vụ mua ngoài*:Là số tiền phải trả cho các dịch vụ mua ngoài phục vụ các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp như tiền điện, nước, tiền bưu phí…

- *Chi phí khác bằng tiền*:Là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong quá trình sản xuất ngoài 4 yếu tố chi phí trên.

1.2.3.2 Phân loại chi phí theo công dụng kinh tế(theo khoản mục)

- *Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*: Toàn bộ chi phí nguyên vật liệu được sử dụng trực tiếp cho quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm, lao vụ, dịch vụ.

- *Chi phí nhân công trực tiếp*: Bao gồm tiền lương và các khoản phải trả trực tiếp cho công nhân sản xuất, các khoản trích theo tiền lương của công nhân sản xuất như kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế…

- *Chi phí sản xuất chung*: Là các khoản chi phí sản xuất liên quan đến việc phục vụ và quản lý sản xuất trong phạm vi các phân xưởng đội sản xuất.

- *Chi phí bán hàng*: Là chi phí lưu thông và chi phí tiếp thị phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ .

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: Là các khoản chi phí sản xuất liên quan đến việc phục vụ và quản lý sản xuất kinh doanh có tính chất chung của toàn doanh nghiệp.

1.2.3.3 Phân loại chi phí theo mối quan hệ giữa chi phí và quy mô SXKD.

- Chi phí biến đổi(biến phí): Là những chi phí có sự thay đổi về lượng tương quan tỷ lệ thuận với sự thay đổi của khối lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ như: chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp…

- Chi phí cố định(định phí) : Là những chi phí không thay đổi về tổng số khi có sự thay đổi khối lượng sản phẩm sản xuất trong mức độ nhất định như chi phí khấu hao TSCĐ theo phương pháp bình quân..

1.2.4 Các loại chi phí sử dụng trong công ty.

1.2.4.1 Chi phí giá vốn hàng bán

❖ *Khái niệm:*

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ.

− Đối với hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất.

− Đối với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn hàng bán bao gồm trị giá mua của hàng đã tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ chi phí cho hàng tiêu thụ.

❖ **Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho.**

Trị giá hàng xuất kho = Số lượng x Đơn giá xuất kho

Trong đó đơn giá xuất kho được tính theo một trong những phương pháp sau:

- *Phương pháp bình quân gia quyền*:

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ :

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP,HH tồn đầu kỳ + Trị giá SP, HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu kỳ + Số lượng SP, HH nhập trong kỳ}}$$

+ Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, HH thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

- *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)*: áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

– *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)*: áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất trước đó.

– *Phương pháp tính theo giá đích danh*: được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

❖ *Tài khoản sử dụng:*

Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán

Kết cấu tài khoản 632

Nợ	**TK 632**	**Có**
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. - Kết chuyển giá vốn hàng bán bị trả lại
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Tài khoản 632 không có số dư .

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT, chứng từ khác có liên quan

❖ *Sơ đồ hạch toán*

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX

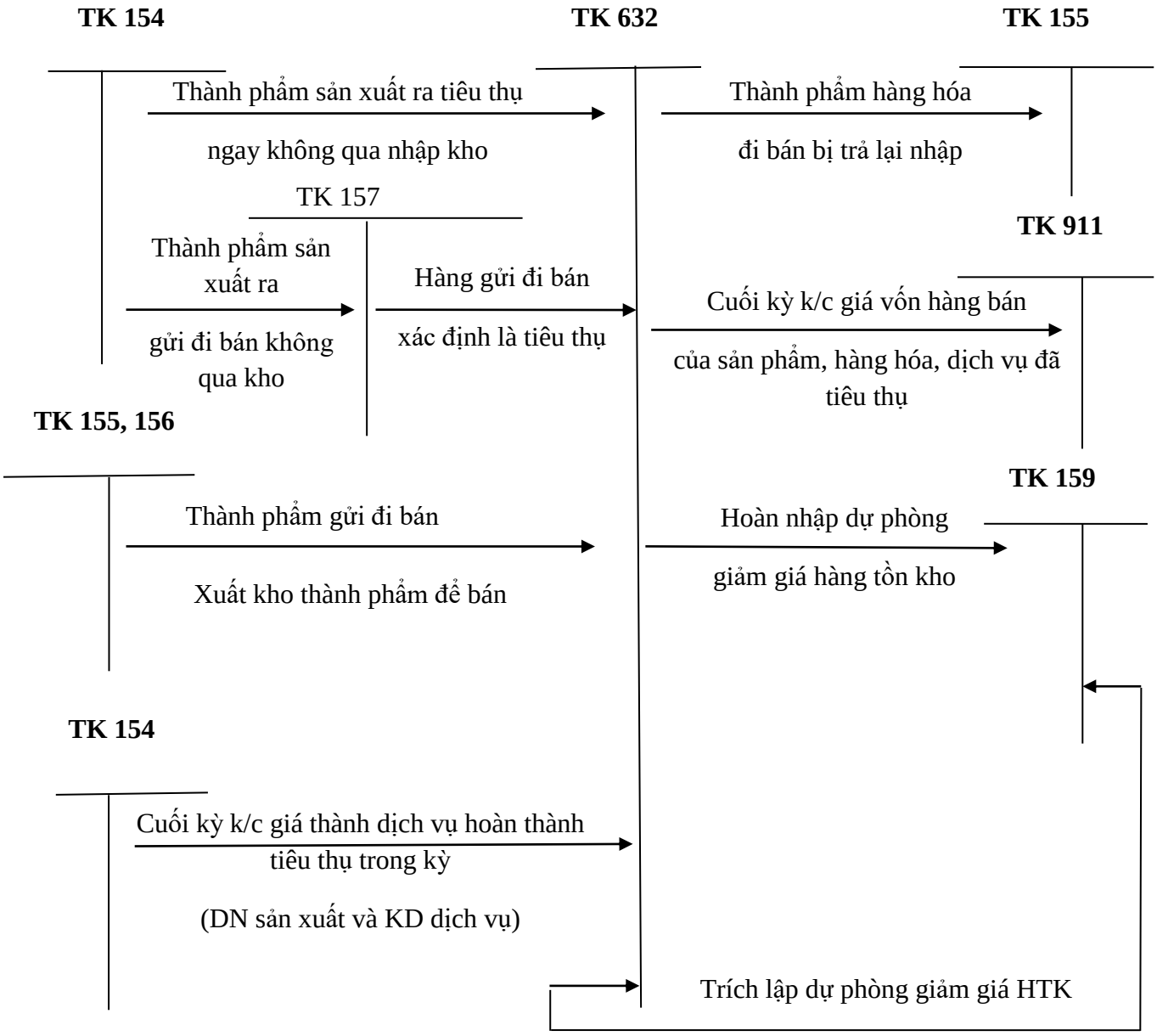

1.2.4.2 Chi phí tài chính

❖ *Khái niệm:*

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán…Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái..

❖ *Tài khoản sử dụng:*

Tài khoản 635- Chi phí tài chính

Kết cấu tài khoản 635

Nợ	**TK 635**	**Có**
− Tập hợp chi phí hoạt động tài chính: Chi phí đi vay, lỗ tỷ giá, chiết khấu thanh toán cho người mua.		- Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK 911
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Tài khoản 635 không có số dư.

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ ngân hàng
- Biên bản góp vốn liên doanh.
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ *Sơ đồ hạch toán:*

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

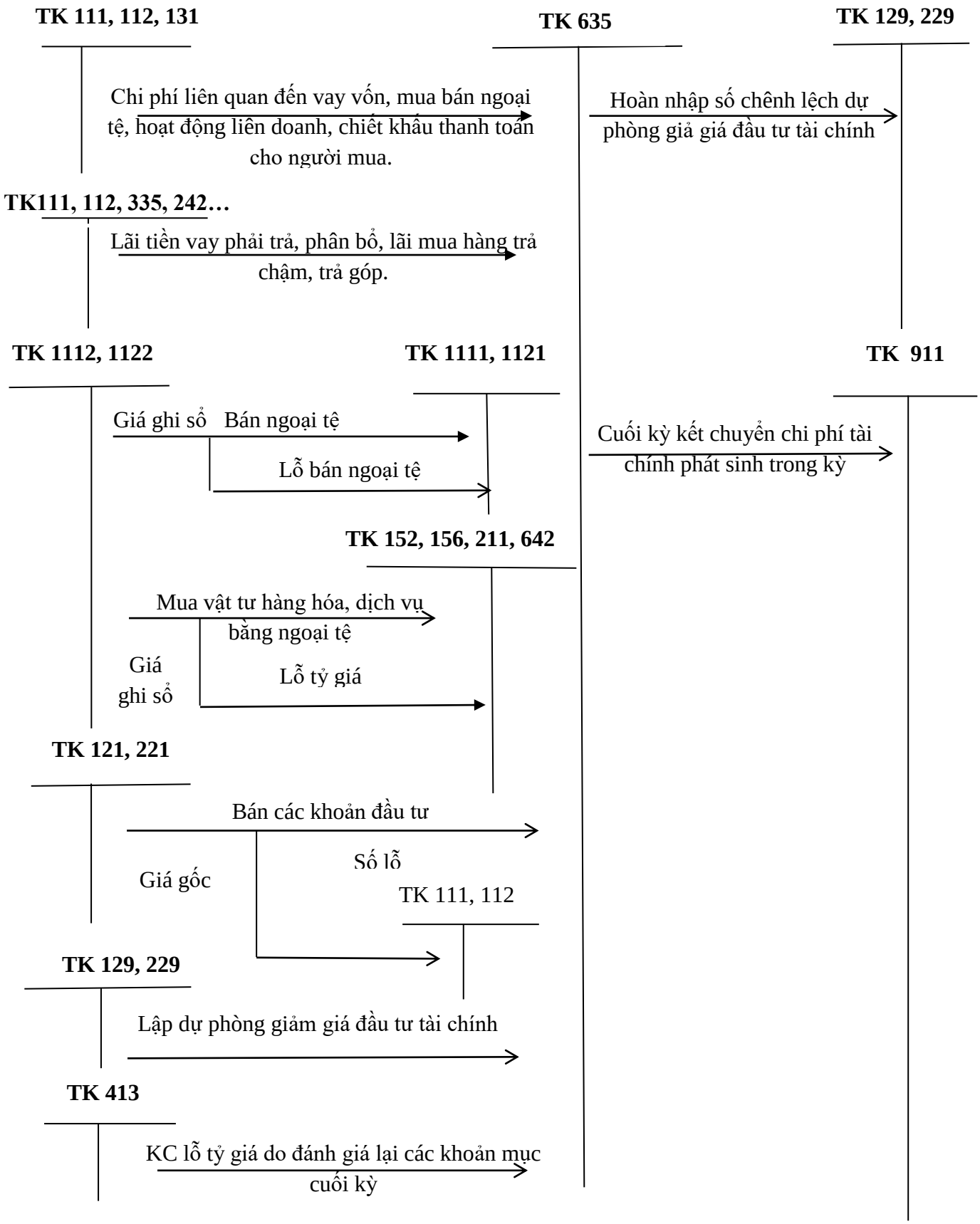

1.2.4.3 Chi phí quản lý kinh doanh

❖ *Khái niệm:*

Là những khoản chi phí có liên quan đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng được cho bất kỳ hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

❖ *Tài khoản sử dụng:*

Tài khoản 642- Chi phí quản lý kinh doanh

Tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2

6421- Chi phí bán hàng

6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản 642

Nợ	**TK 642**	**Có**
- Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Dự phòng trợ cấp mất việc làm.		- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911.
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- Bảng phân bổ tiền lương
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ *Sơ đồ hạch toán*

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

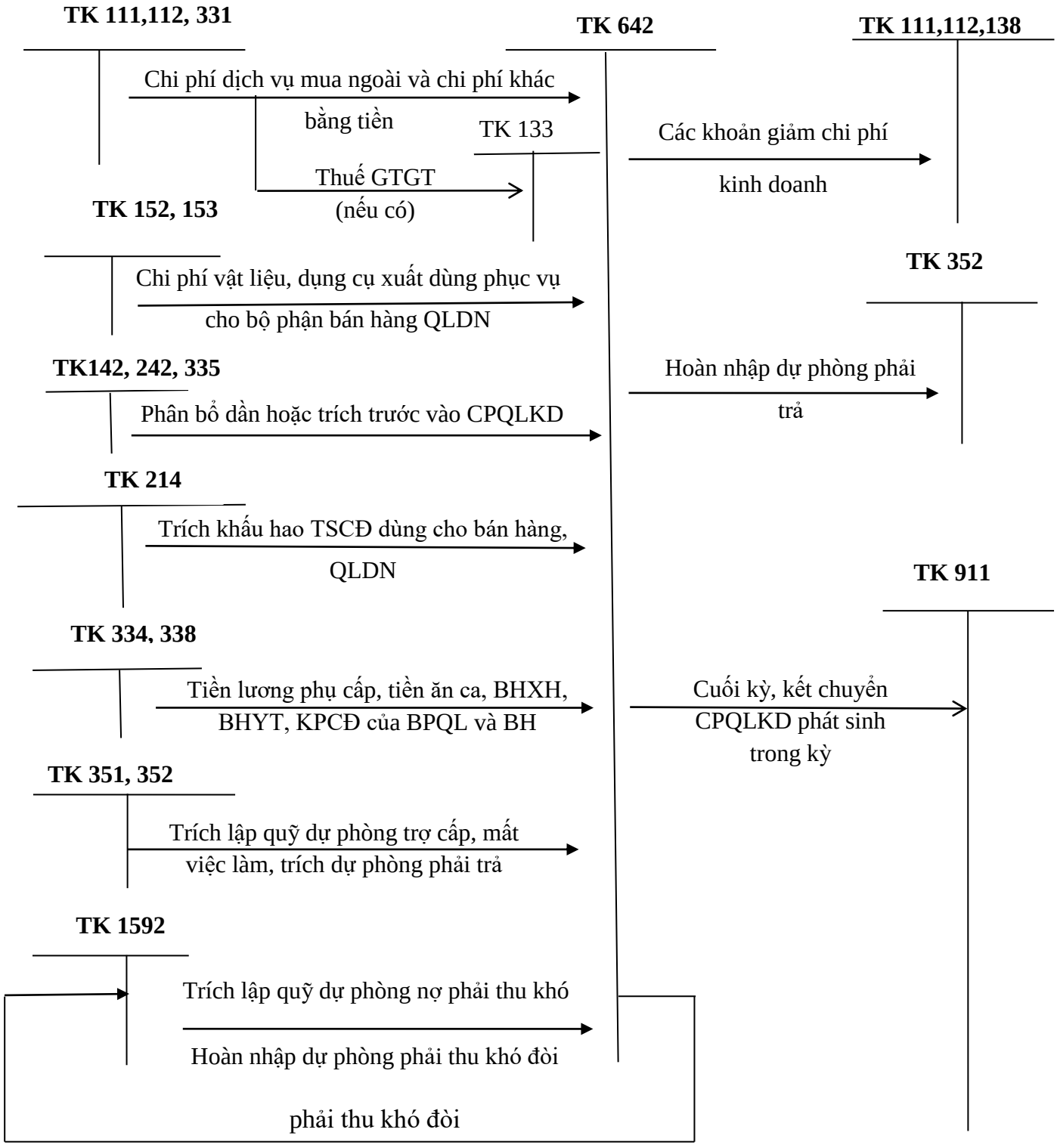

1.2.4.4 Chi phí khác.

❖ *Khái niệm:*

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Chi phí khác của doanh nghiệp gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý và nhượng bán TSCĐ(nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên danh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác.

❖ *Tài khoản sử dụng:*

Tài khoản 811- Chi phí khác

Kết cấu tài khoản 811

Nợ	**TK 811**	**Có**
- Các khoản chi phí khác phát sinh.	- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911.	
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có	

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Phiếu chi.
- Giấy báo nợ ngân hàng.
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Biên bản đánh giá tài sản.
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ *Sơ đồ hạch toán*

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

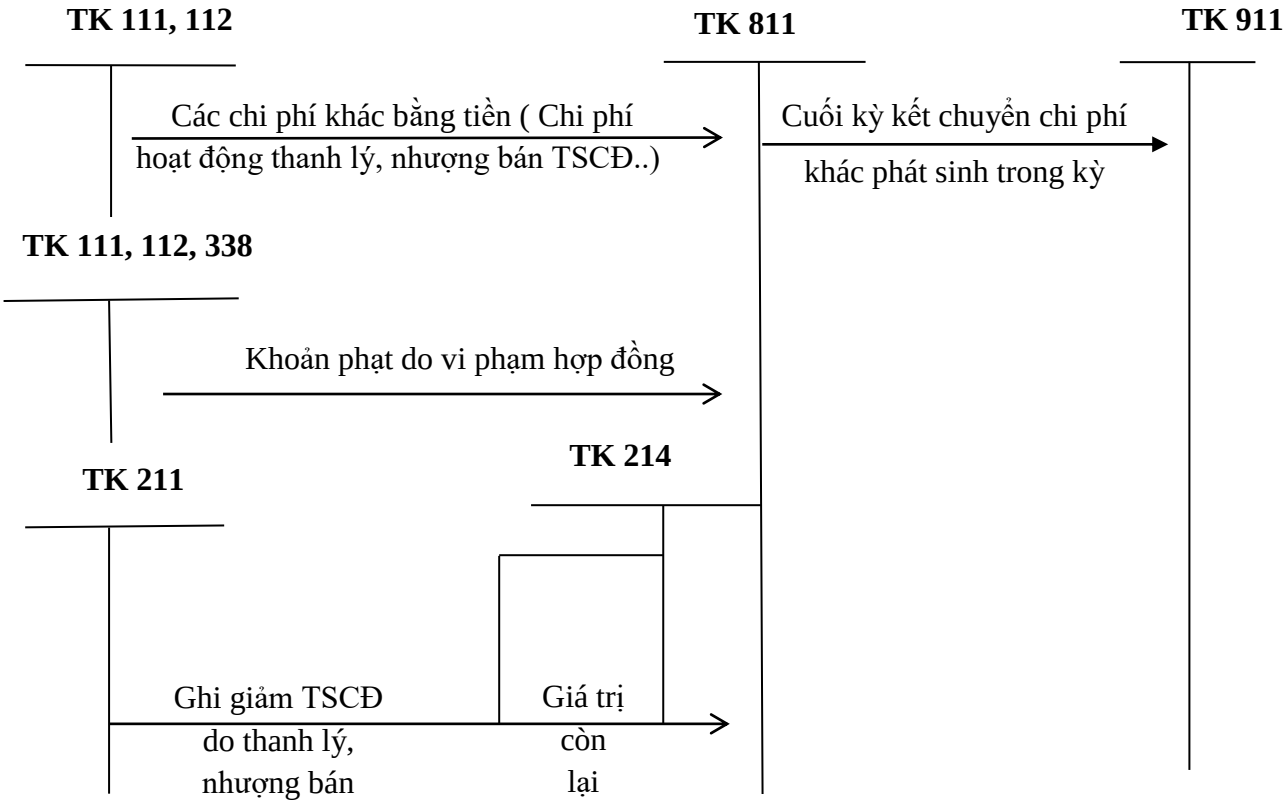

1.2.4.5 Chi phí thuế thu nhập doan.h nghiệp

❖ *Khái niệm:*

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

❖ *Tài khoản sử dụng:*

Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 821

Nợ	**TK 821**	**Có**
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm. - Ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.		- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm. - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. - Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Tài khoản 821 không có số dư

❖ *Chứng từ sử dụng :*

Phiếu kế toán

❖ *Sơ đồ hạch toán*:

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

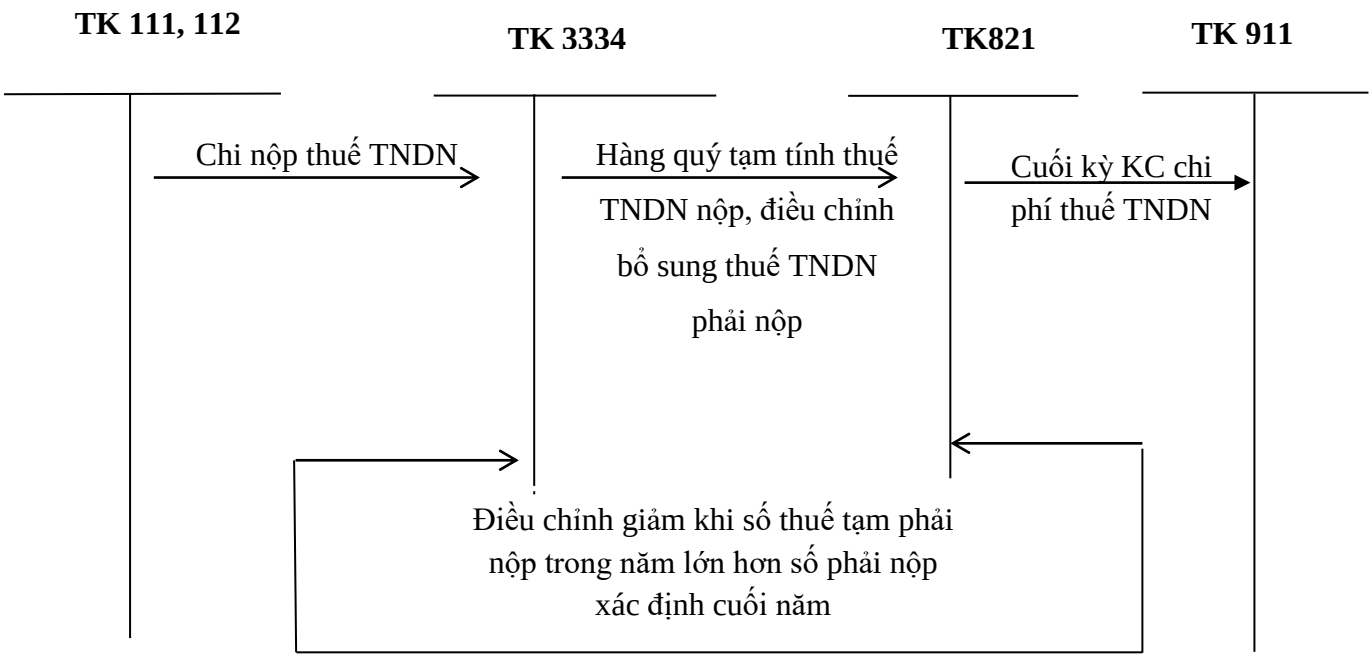

1.3 Lý luận chung về xác định kết quả kinh doanh

1.3.1 Khái niệm

Kết quả sản xuất kinh doanh là kết quả cuối cùng của doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ.

1.3.2 Phân loại

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:* là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán , chi phí quản lý kinh doanh.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí quản lý kinh doanh

- *Kết quả hoạt động tài chính:* là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

Lợi nhuận tài chính	=	Doanh thu tài chính	-	Chi phí tài chính

- *Kết quả hoạt động khác:* là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác

Lợi nhuận hoạt động khác	=	Thu nhập hoạt động khác	-	Chi phí hoạt động khác

- *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*: là tổng số lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận từ hoạt động	+	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	+	Lợi nhuận khác

- *Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:* là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

Thuế TNDN phải nộp	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	x	Thuế suất thuế TNDN

- *Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:* là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	Thuế TNDN phải nộp

❖ **Tài khoản sử dụng :**

Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh

Kết cấu tài khoản 911

Nợ	**TK 911**	**Có**
- Tập hợp chi phí phát sinh trong kỳ(giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác). − Kết chuyển lãi. − Kết chuyển chi phí thuế TNDN		- Tập hợp doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ(doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác). − Kết chuyển lỗ.
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

1.3.3 Quy trình hạch toán

Sơ đồ 1. 14: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

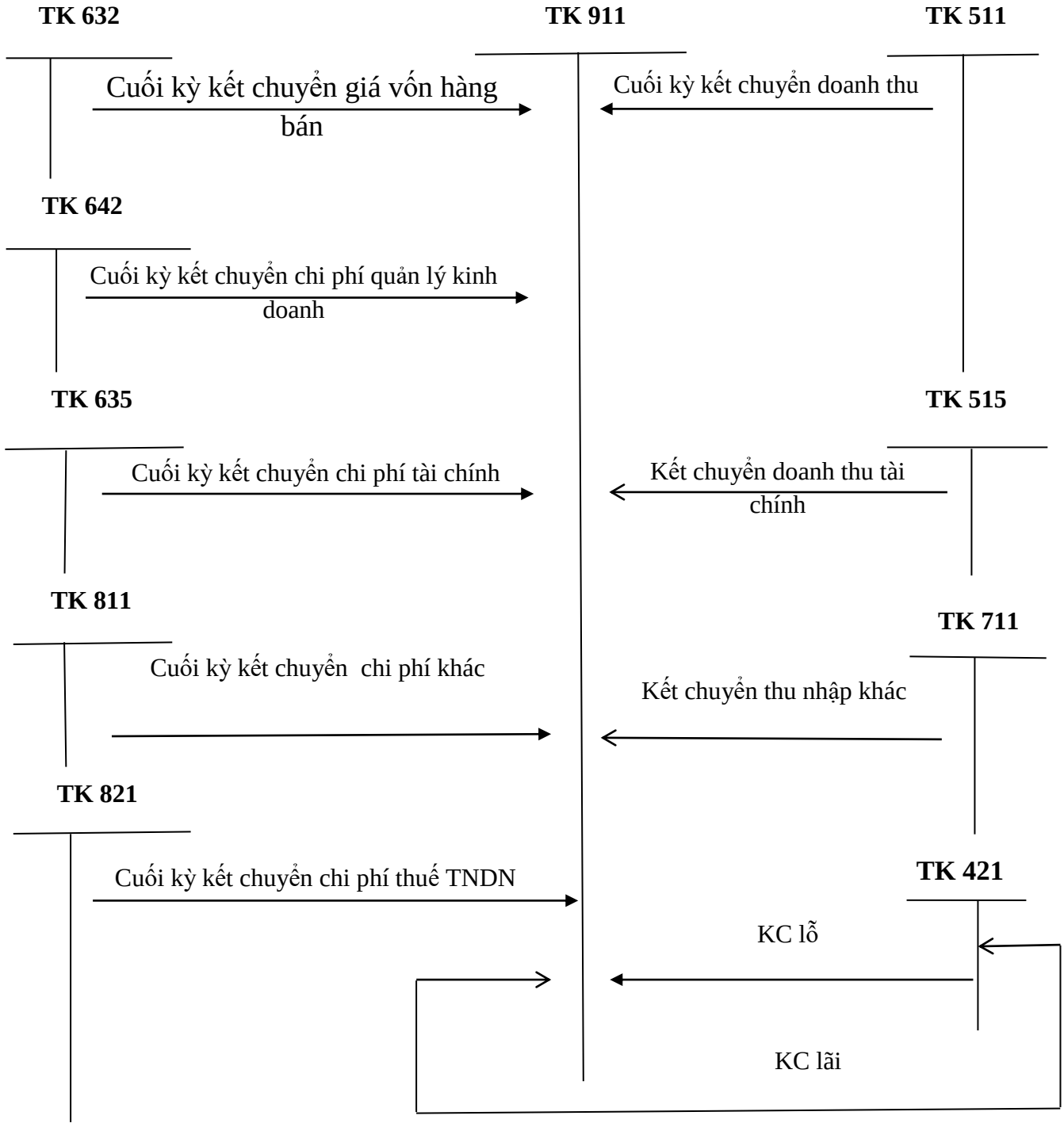

1.4 Vận dụng ghi sổ kế toán theo các hình thức kế toán

Tùy vào đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong bốn hình thức kế toán sau :

Hình thức kế toán Nhật ký chung

Hình thức kế toán Nhật ký- sổ cái

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Hình thức kế toán trên máy vi tính.

1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung:

❖ ***Đặc trưng cơ bản :*** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã phản ánh trên chứng từ kế toán đều phải được ghi vào Sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian. Dựa vào số liệu trên Sổ Nhật ký chung để vào các Sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

❖ ***Điều kiện áp dụng:*** Sử dụng hầu hết các loại hình doanh nghiệp: Sản xuất- thương mại- dịch vụ- xây dựng có quy mô vừa và nhỏ.

❖ ***Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung:***

Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

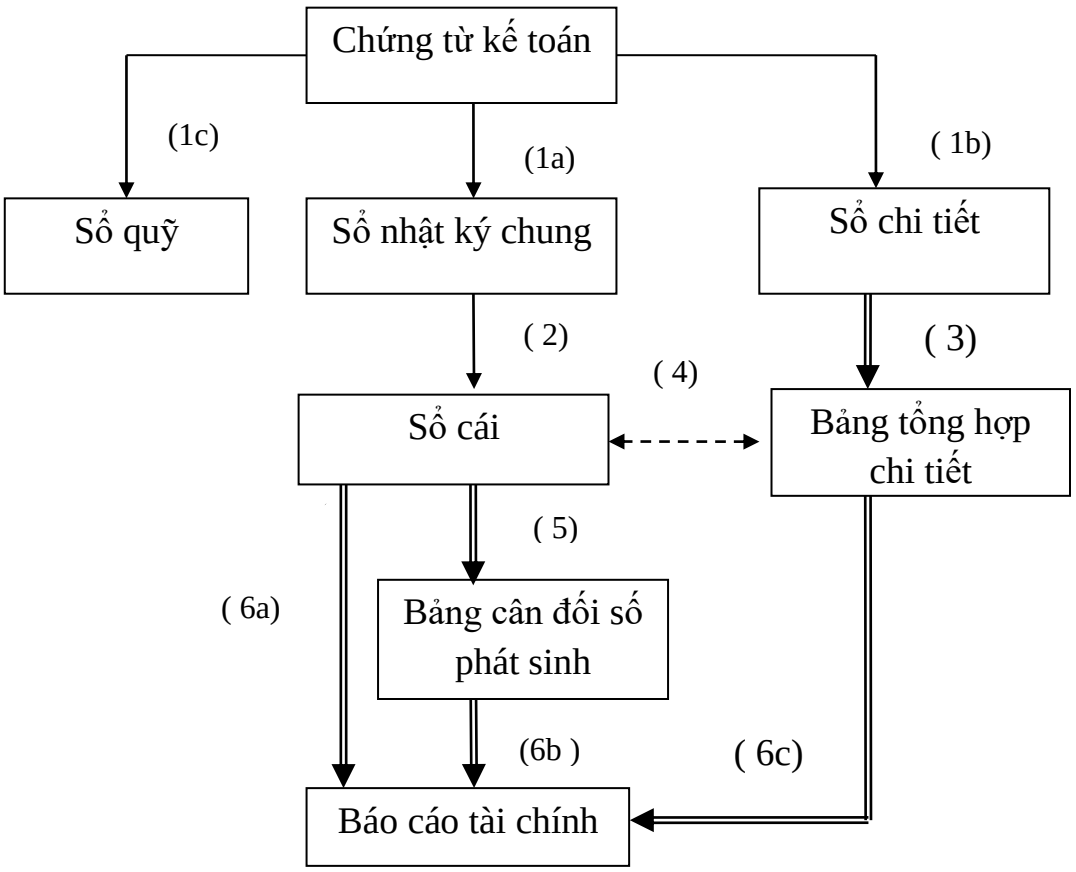

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ——→

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ←- - - - - →

Ghi cuối tháng,hoặc định kỳ: ⟹

❖ Giải thích :

(1a- 1b- 1c): Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết, sổ quỹ .

(2) : Hàng ngày, căn cứ vào số liệu đã được ghi vào sổ Nhật Ký Chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

(3) : Cuối kỳ kế toán lấy số liệu sổ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết.

(4) : Cuối kỳ kế toán kiểm tra đối chiếu giữa bảng tổng hợp chi tiết với sổ cái.

(5) : Cuối kì căn cứ vào số liệu trên sổ cái, kế toán lập bảng cân đối số phát sinh.

(6a- 6b- 6c): Cuối kì sau khi đối chiếu khớp đúng , lấy số liệu sổ cái BTHCT và BCĐPS lập báo cáo tài chính.

❖ ***Ưu điểm :***

− Mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện, thuận tiện cho việc phân công lao động .

− Được dùng phổ biến thuận tiện cho việc ứng dụng tin học và sử dụng máy vi tính trong công tác kế toán.

− Có thể tiến hành kiểm tra đối chiếu ở mọi thời điểm trên sổ Nhật ký chung, cung cấp thông tin kịp thời.

❖ ***Nhược điểm:*** Lượng ghi chép nhiều.

1.4.2 Hình thức Nhật ký – Sổ cái:

❖ ***Đặc trưng cơ bản:*** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã phản ánh trên chứng từ kế toán đều được ghi vào sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Sổ nhật ký- sổ cái theo trình tự thời gian. Căn cứ vào Nhật ký- Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp các chứng từ kế toán cùng loại.

❖ ***Điều kiện áp dụng:*** Sử dụng cho những doanh nghiệp có quy mô nhỏ, sử dụng ít tài khoản kế toán.

❖ ***Ưu điểm :***

− Số lượng sổ ít, mẫu sổ đơn giản dễ ghi chép.Việc kiểm tra đối chiếu số liệu có thể thực hiện thường xuyên trên sổ Tổng hợp Nhật ký- sổ cái.

❖ ***Nhược điểm:***

− Khó thực hiện việc phân công lao động kế toán

− Khó thực hiện đối với DN có quy mô vừa và lớn, phát sinh nhiều tài khoản.

1.4.3 Hình thức chứng từ- ghi sổ :

❖ ***Đặc trưng cơ bản :*** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được phản ánh trên chứng từ kế toán đều được phân loại, tổng hợp và lập chứng từ ghi sổ. Dựa vào số liệu trên Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ theo trình tự thời gian và ghi vào Sổ cái theo nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

❖ ***Điều kiện áp dụng:*** Áp dụng cho những doanh nghiệp có quy mô vừa, lớn. Sử dụng nhiều lao động kế toán và số lượng lớn các tài khoản kế toán được sử dụng.

❖ ***Ưu điểm:*** Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán.

❖ ***Nhược điểm :***

- Số lượng ghi chép nhiều, thường xuyên xảy ra hiện tượng trùng lặp.

- Việc kiểm tra đối chiếu số liệu thường được thực hiện vào cuối tháng, vì vậy cung cấp thông tin thường chậm.

1.4.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính

- ***Đặc trưng cơ bản:*** Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.
- ***Ưu điểm:*** Giúp giảm tải thời gian làm kế toán, cung cấp cho DN hệ thống báo cáo, quản lý nhanh nhất, giúp giám đốc có được những quyết định đúng đắn, kịp thời trong kinh doanh.
- ***Nhược điểm:***

- Vì tính thông dụng và phổ biến cũng như tiện ích của kế toán trên máy vi tính mà một số công việc công ty thực hiện theo suy nghĩ chủ quan của một người.

- Khi công ty có sự thay đổi kế toán, người làm sau sẽ khó biết được những công việc của người làm kế toán nếu không có sự bàn giao trước.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN ĐÔNG Á

2.1 Tổng quan về công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á.

2.1.1 Giới thiệu chung về công ty

- Tên doanh nghiệp: Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á.
- Tên bằng tiếng anh: Dong A Electricity Installation stock company.
- Tên viết tắt: E.I.C
- Địa chỉ: Số 670 Trần Nhân Tông- phường Nam Sơn- quận Kiến An- thành phố Hải Phòng.
- Hình thức pháp lý: Công ty Cổ Phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 0200425659 – ngày cấp 11/06/2001 do Phòng đăng kí kinh doanh- Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.
- Mã số thuế: 0200425659.
- Ngày thành lập: 17/ 01/ 2001.
- Vốn điều lệ : 19.000.000.000 đồng.
- Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Phạm Trung Thành.
- Chức danh: Giám đốc.

❖ Liên hệ:

- Điện thoại: 0313.677.063
- Fax: 0313.677.097
- Email: xldonga@gmail.com.

Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 020300041 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 17/ 01/ 2001, chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18/ 04/ 2007.

Những năm đầu mới thành lập công ty đã hoàn thành tốt nhiều dự án, công trình đường dây và trạm quy mô lớn, chất lượng cao. Các công trình xây lắp của công ty đã mang nguồn năng lượng đến mọi miền đất nước.

Những năm qua với ngành nghề kinh doanh và năng lực của mình công ty đã thực hiện hoàn thành chục nghìn km đường dây 500kV, 220kV, 110kV và

hàng chục nghìn km đường dây 35kV, hoàn thành nhiều dự án trạm biến áp đến 500kV với tổng công suất hàng chục nghìn MVA.

2.1.2 Ngành nghề kinh doanh

Các lĩnh vực kinh doanh của công ty như:

- Lắp đặt hệ thống điện
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
- Truyền tải và phân phối điện
- Sửa chữa máy biến áp
- Thiết kế, xây lắp công trình điện đến 110kV
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện.

Trong đó lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của công ty hiện nay là : Lắp đặt hệ thống điện(Mã ngành: 43210).

2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty

2.1.3.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý ở công ty.

Sơ đồ 2.1 Mô hình cơ cấu tổ chức của công ty

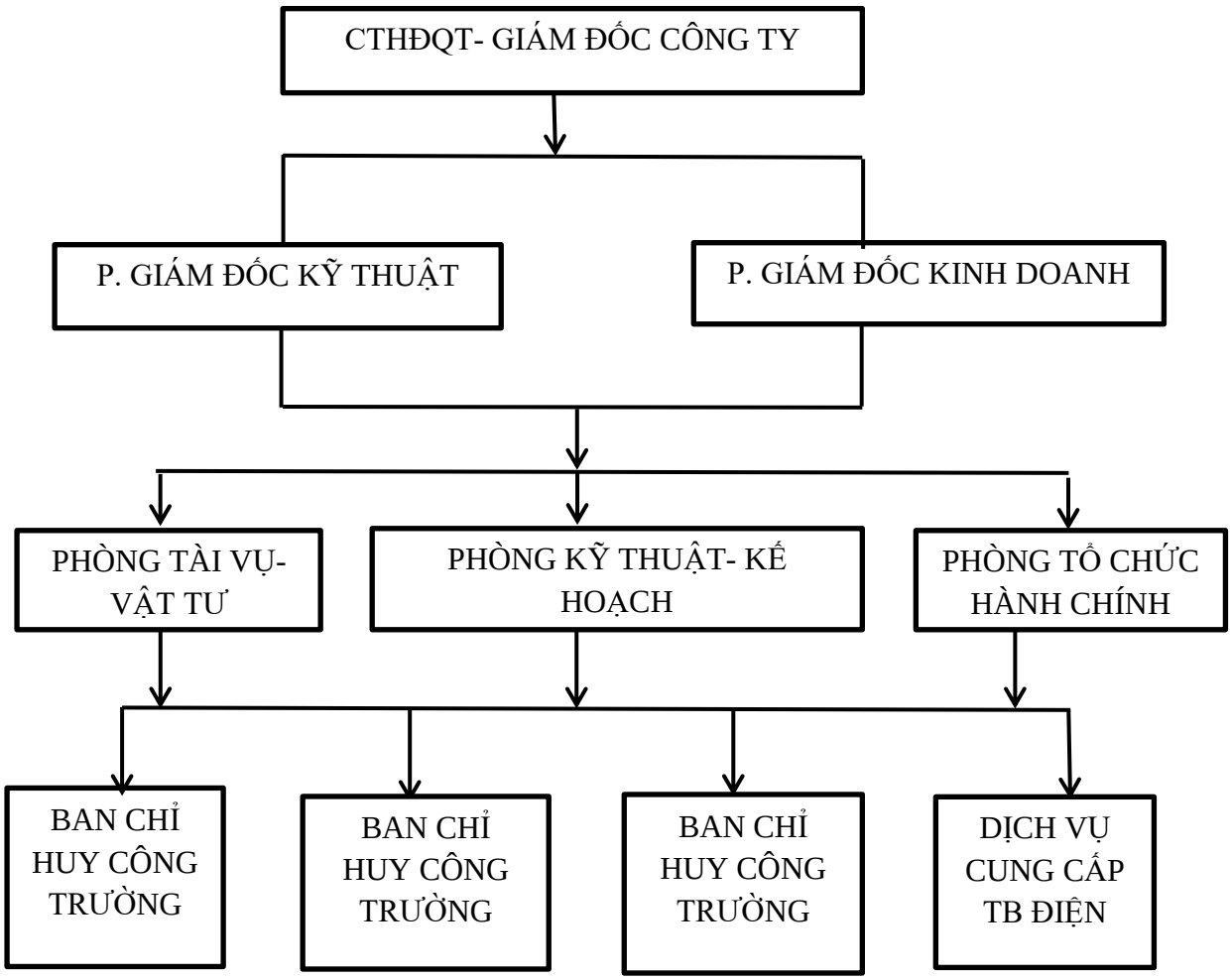

❖ **Chức năng và nhiệm vụ các phòng ban:**

− *Chủ tịch hội đồng quản trị :* Là người đại diện theo pháp luật của công ty.Điều hành toàn bộ các lĩnh vực hoạt động của công ty.

− *Phó Giám Đốc (PGĐ Kinh Doanh, PGĐ Kỹ thuật):* Là người giúp giám đốc làm các công việc được giám đốc phân công và chịu trách nhiệm trước pháp luật và giám đốc những công việc mà đã được Giám Đốc giao cho.

− *Phòng Tổ chức – Hành Chính*: Tham mưu cho Giám đốc về bộ máy tổ chức cho phù hợp với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, quản lý và lưu trữ chặt chẽ công văn, tài liệu, con dấu của công ty.

− *Phòng Kỹ thuật- Kế Hoạch:* Tham mưu cho Giám đốc về đầu tư để phục vụ sản xuất . Khảo sát thiết kế công trình, làm các bài thầu, giám sát kỹ thuật công trình theo quy định của luật xây dựng cơ bản. Giải quyết các thủ tục xây dựng, các mối quan hệ với các ngành chức năng để công trình thi công được thuận lợi.

− *Phòng Tài vụ- vật tư :* Hoàn thành chức năng nhiệm vụ của Phòng theo đúng luật Kế toán thống kê và các qui định bổ sung của Nhà nước.Kiểm tra chặt chẽ các chế độ thu chi tài chính, các cơ sở sản xuất về: tiền mặt, tiền vay ngoài. Ghi chép hoạch toán giá thành, chứng từ hóa đơn..

− *Các đội thi công xây lắp:* Trực tiếp xúc tiến việc thi công công trình, hạng mục..

− *Dịch vụ cung cấp thiết bị điện:* Cung cấp vật tư cho Xưởng Cơ điện, chọn nhà cung ứng có đủ khả năng thoả mãn nhu cầu cung cấp thiết bị theo tiêu chuẩn kỹ thuật. Lên kế hoạch đáp ứng vật tư theo tiến độ thi công.

2.1.3.2 Cơ cấu và chức năng bộ máy kế toán của công ty.

Sơ đồ 2.2 : Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

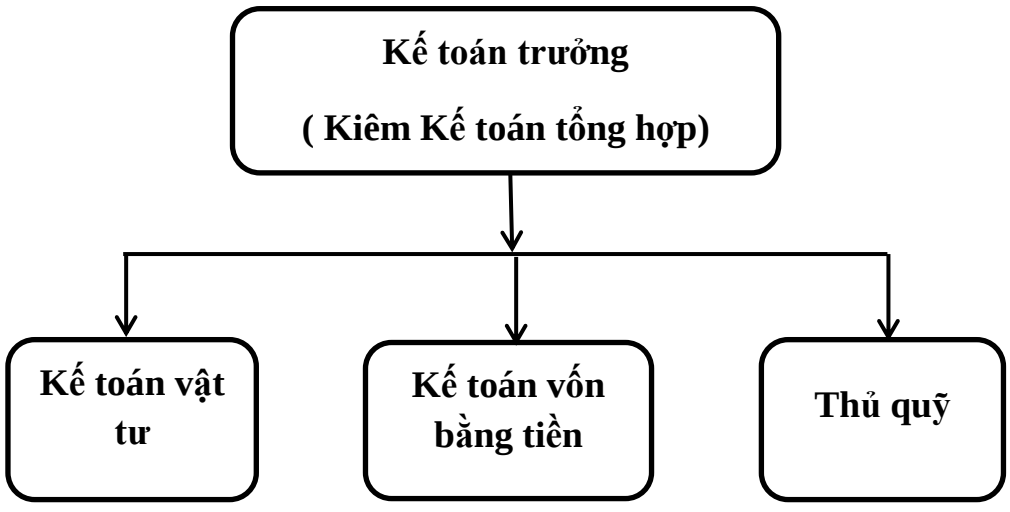

❖ **Chức năng nhiệm vụ trong bộ máy kế toán của công ty:**

− *Kế toán trưởng(kiêm Kế toán tổng hợp):* Là người đứng đầu bộ máy kế toán, có nghĩa vụ phụ trách hướng dẫn các kế toán viên thực hiện đúng nhiệm vụ của mình, đồng thời giúp Giám đốc tổ chức lãnh đạo thực hiện công tác thống kê.

− Tổng hợp ghi chép số liệu kế toán và sổ tổng hợp . Kiểm tra việc hoạch toán, rút số dư các sổ chi tiết, lập báo cáo quyết toán tháng, quý, năm.

− *Kế toán vật tư hàng hóa*:Tổng hợp ghi chép số liệu kế toán lien quan đến nhập xuất vật tư.

− *Kế toán vốn bằng tiền:*Theo dõi sự biến động tiền mặt tại đơn vị.Quản lý thu chi tiền mặt theo phiếu thu chi chỉ được lập đã có đủ chữ ký duyệt.

− *Thủ quỹ:*Chịu trách nhiệm quản lý quỹ, thu chi tiền mặt. Kiểm kê kiểm tra sổ tồn quỹ, quỹ tiền và phản ánh chính xác kịp thời đầy đủ số liệu hiện có.

2.1.4 Hình thức hạch toán kế toán

2.1.4.1 Chế độ và các chính sách kế toán tại công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á.

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 48/ 2006/ QĐ- BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
- Phương pháp hạch toán và nộp thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá hàng tồn kho cuối kỳ: Tính theo giá trị thực tế đích danh.
- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: Phương pháp khấu hao đường thẳng.
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ 1/1 đến 31/ 12
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán: Việt Nam đồng.

2.1.4.2 Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á.

Hình thức ghi sổ kế toán được áp dụng tại Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á là hình thức Nhật ký chung. Trình tự ghi sổ kế toán được thể hiện qua sơ đồ 2.3 .

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

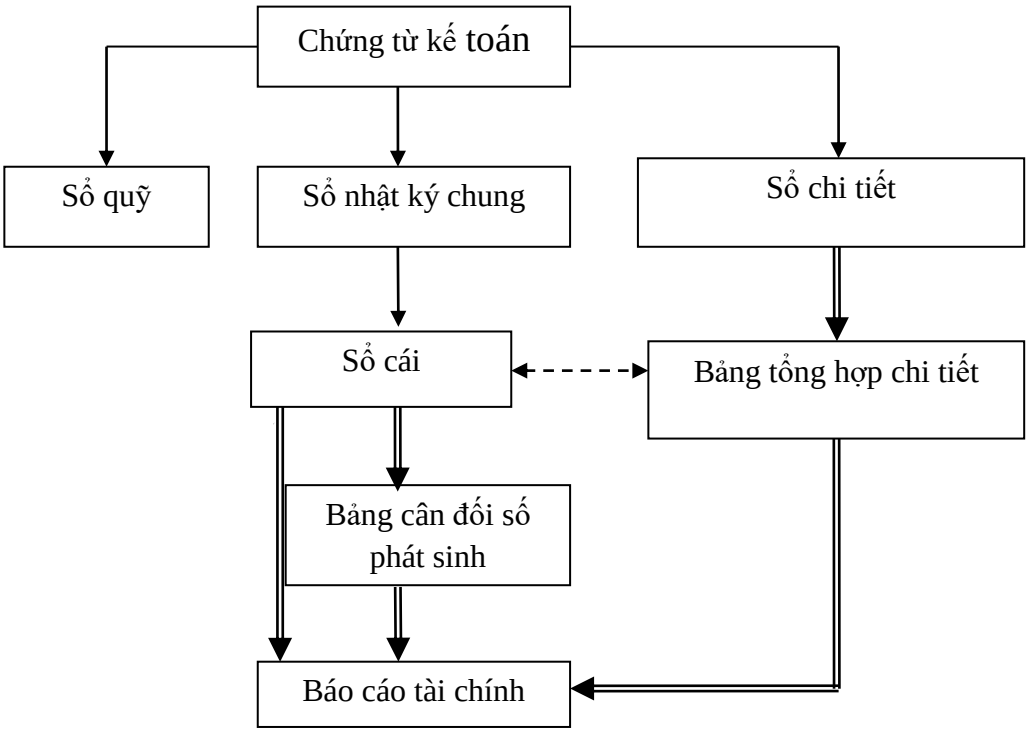

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ——→

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ←- - - - - →

Ghi cuối tháng,hoặc định kỳ: ═══→

2.2 Thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á.

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

2.2.1.1 Nội dung

− Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà công ty thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động kinh doanh góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

− Doanh thu bán hàng có thể là thu tiền ngay, cũng có thể chưa thu được (do các thỏa thuận về thanh toán bán hàng) nhưng đã được khách hàng chấp nhận thanh toán thì đều được ghi nhận là doanh thu.

2.2.1.2 Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng:

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngoài ra còn có các tài khoản liên quan: TK 111, TK 112, TK 131, TK 3331

❖ Sổ sách sử dụng:

Sổ Nhật ký chung, sổ cái các tài khoản

2.2.1.3 Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng, hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán(Phiếu thu, sec thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng)… và các chứng từ khác có liên quan.

2.2.1.4 Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

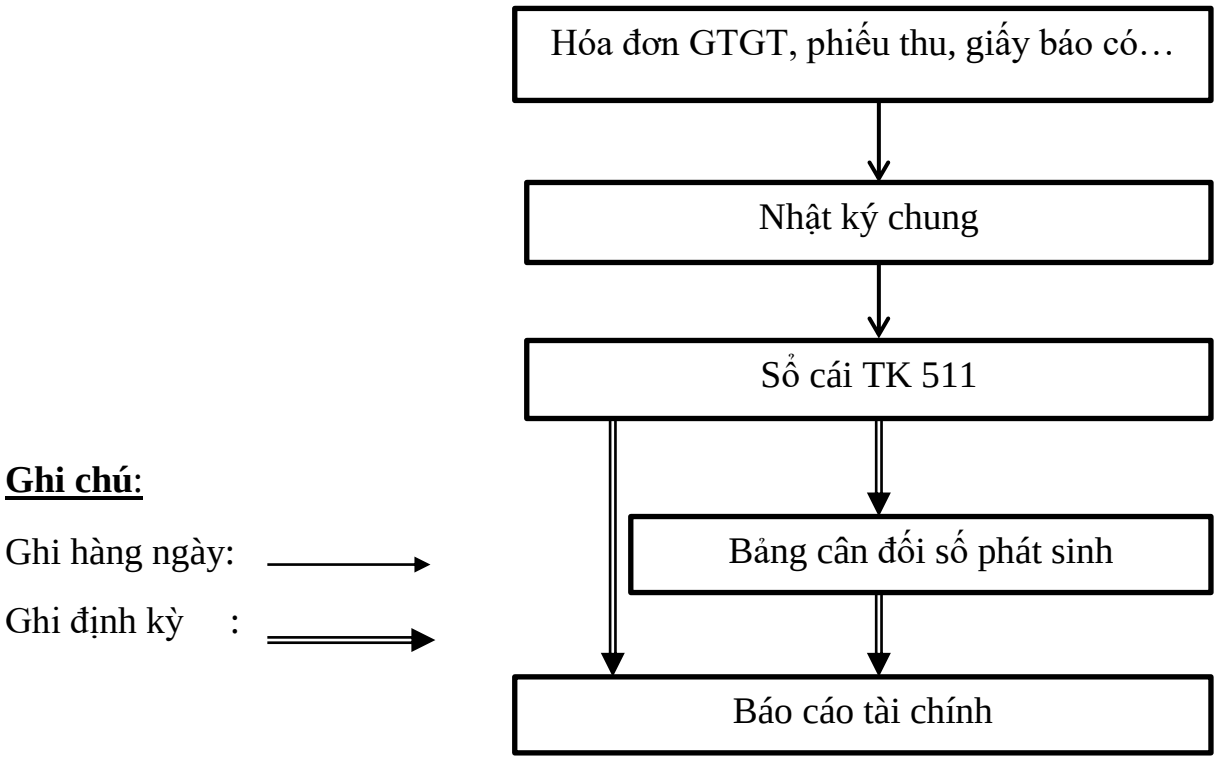

Ví dụ 2.1:

Ngày 2/12/ 2016 công ty bàn giao công trình Lắp đặt trạm biến áp MBA T2- TBA 110kV Thanh Miện Hải Dương theo HĐ0000335 với giá trị công trình là 1.685.858.852 đồng (chưa thuế GTGT). Khách hàng đã ứng trước 50% trị giá công trình bằng chuyển khoản, sau khi bàn giao thanh toán 50% giá trị công trình còn lại.

- Định khoản:

Nợ 131 : 1.854.444.737

Có 511 : 1.685.858.852

Có 3331: 168.585.885

Căn cứ vào Hợp đồng giao nhận thầu xây lắp công trình (biểu số 2.1) hóa đơn GTGT HĐ0000335 (biểu số 2.2), kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.4). Căn cứ vào số liệu trên sổ nhật ký chung kế toán ghi sổ cái (biểu số 2.5-2.6) và sổ chi tiết thanh toán người mua(biểu số 2.7), bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua (biểu số 2.8). Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.2:

Ngày 25/ 12/ 2016 công ty bàn giao công trình Nâng cấp DZ0, 4kV quận Dương Kinh theo HĐ000338 với trị giá công trình 35.101.588(chưa thuế GTGT). Khách hàng chưa thanh toán.

- Định khoản:

Nợ 131 : 38.611.747

Có 511 : 35.101.588

Có 3331: 3.510.159

Căn cứ vào HĐ0000338 (biểu số 2.3), kế toán ghi sổ nhật ký chung (biểu số 2.4), từ nhật ký chung vào sổ cái (biểu số 2.5). Cuối kỳ căn cứ vào các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Biểu số 2.1: Hợp đồng giao nhận thầu xây lắp công trình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG GIAO NHẬN THẦU XÂY LẮP

CÔNG TRÌNH LẮP ĐẶT TRẠM BIẾN ÁP MBA T2- TBA 110KV

Hợp đồng số 1506/ HĐTK Ngày 05 tháng 09 năm 2016

Hôm nay ngày 05 tháng 09 năm 2016 , Chúng tôi gồm có:

Bên A (Chủ đầu tư)

- Tên doanh nghiệp (hoặc cơ quan) : Công ty TNHH MTV Điện Lực Hải Dương.
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 45 A, đường Tuệ Tĩnh- thị trấn Thanh Miện – HD
- Điện thoại:
- Tài khoản số: 0451001944487

Mở tại ngân hàng ACB- ngân hàng Á Châu

- Đại diện là ông (bà) Phạm Đức Tuyền

Chức vụ: Giám đốc

Bên B (đơn vị khảo sát)

- Tên doanh nghiệp (hoặc cơ quan) : Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á.
- Địa chỉ trụ sở chính : 670 Trần Nhân Tông- P.Nam Sơn – Q. Kiến An- HP
- Điện thoại: 0313. 677.063
- Tài khoản số:00371000418692

Mở tại ngân hàng Vietcombank

- Đại diện là ông (bà) : Phạm Trung Thành

Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thống nhất ký hợp đồng thi công xây lắp với các điều khoản sau:

Điều 1: Khối lượng và tiến độ công trình

1. Tên Công trình : Lắp đặt trạm biến áp MBA T2- TBA 110kV.
2. Địa điểm xây dựng công trình : Thôn La- Xã Thanh Tùng – huyện Thanh Miện – Hải Dương.
3. Vốn đầu tư được duyệt theo dự toán :
4. Tiến độ thi công.

- Ngày thi công : 20/ 09 / 2016

- Ngày hoàn thành : 25/ 11/ 2016

5. Trong trường hợp đang thực hiện hợp đồng kinh tế đã ký, có những khối lượng phát sinh thì Bên A phải làm thủ tục, bổ sung khối lượng phát sinh để ghi vào hợp đồng.

Điều 2: Chất lượng công trình

1. Bên B phải chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật và chất lượng xây lắp toàn bộ công trình, bảo đảm thi công theo thiết kế phù hợp với dự toán đã được duyệt, đúng quy trình, quy phạm, yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật trong xây dựng.
2. Bên A có trách nhiệm cử người giám sát tại công trình để theo dõi chất lượng vật liệu, cấu kiện bên tông, chất lượng xây lắp, nếu thấy phần nào chưa được bảo đảm thì yêu cầu bên B làm lại. Bên A có trách nhiệm xác nhận công tác phát sinh để làm cơ sở cho việc nghiệm thu và thanh toán. Bên A xét thấy xây lắp không đạt yêu cầu được quyền không ký vào biên bản nghiệm thu hoặc chưa nhận bàn giao.
3. Khi bên B muốn thay đổi loại vật liệu xây lắp nào hoặc thay đổi phần thiết kế nào đều phải được sự chấp thuận của bên A và cơ quan thiết kế.
4. Bên B có trách nhiệm bảo hành chất lượng công trình trong thời gian là 1 năm.

Điều 3: Các điều kiện đảm bảo thực hiện hợp đồng

1. Trách nhiệm của bên A phải:

- Bàn giao mặt bằng công trình.
- Giao tim, mốc công trình theo yêu cầu của tổng tiến độ.
- Bàn giao mọi hồ sơ, tài liệu cần thiết cho bên B.

2. Trách nhiệm của bên B

- Quản lý thống nhất mặt bằng xây dựng sau khi được giao.
- Tổ chức bảo vệ an ninh trật tự và an toàn lao động bên công trình.
- Tiếp nhận bảo quản các loại tài liệu, vật tư, kỹ thuật được bên A giao.

Điều 4: Trị giá công trình xây lắp

1. Trị giá hợp đồng căn cứ vào dự toán được duyệt là 1.685.858.852 Đồng (chưa bao gồm thuế GTGT).
2. Trong quá trình thực hiện nếu có quy định mới của nhà nước ban hành thì phần trị giá công xây lắp được điều chỉnh theo.

Điều 5: Nghiệm thu và bàn giao công trình

1. Bên A có trách nhiệm thành lập và chủ trì hội đồng nghiệm thu theo quy định của Nhà nước .
2. Hội đồng nghiệm thu sẽ tiến hành nghiệm thu sau khi công trình hoàn thành.
3. Bên B có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện cần thiết để nghiệm thu.
4. Sau khi thực hiện xong việc nghiệm thu bên B có trách nhiệm bàn giao hạng mục công trình cùng với hồ sơ hoàn thành công trình cho bên A vào ngày 25 tháng 11 năm 2016. Bên A có trách nhiệm nộp lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định về lưu trữ tài liệu của Nhà nước.

Điều 6: Tạm ứng, thanh quyết toán

1. Tạm ứng 50% giá trị công trình theo dự toán ngay sau ngày khi ký hợp đồng.
2. Bên A sẽ thanh toán 50% số tiền còn lại sau khi quyết toán bàn giao công trình trong vòng 30 ngày.

Điều 7: Quy trình về thưởng phạt

1. Nếu bên B hoàn thành công trình trước thời hạn từ ½ tháng trở lên, đảm bảo chất lượng thi công sẽ được bên A thưởng 0.5 % theo giá trị công trình.
2. Nếu bên B không hoàn thành công trình đúng thời hạn hợp đồng do nguyên nhân chủ quan thì bị phạt 0.5 % giá trị hợp đồng.

Điều 8: Thủ tục giải quyết tranh chấp lao động

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong hợp đồng này.
2. Hai bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh các bên phải kịp thời báo cho nhau biết và chủ động thương lượng giải quyết bảo đảm hai bên cùng có lợi.

Điều 9: Hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 05/ 09/ 2016 đến ngày 6/ 12/ 2016 .

Hợp đồng này được lập thành 4 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 2 bản.

Hải Phòng, ngày 05 tháng 09 năm 2016

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Giám đốc	Giám đốc
Phạm Đức Tuyền	Phạm Trung Thành

(Nguồn : Phòng kế toán công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2.2 : Hóa đơn GTGT (HĐ0000335)

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG Mẫu số : 01GTKT3/001
Liên 3: Nội bộ Ký hiệu: AA/16P
Ngày 2 tháng 12 năm 2016 Số **: 0000335**

Đơn vị bán hàng : Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Mã số thuế : 0200425659
Địa chỉ : 670 Trần Nhân Tông- P.Nam Sơn- Q.Kiến An -HP
Điện thoại : 0313.677.063
Số tài khoản :

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vi : Công ty TNHH MTV Điện Lực Hải Dương.
Mã số thuế : 0801205150
Địa chỉ: Số 45 A, đường Tuệ Tĩnh- thị trấn Thanh Miện – Hải Dương.
Hình thức thanh toán : Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dich vụ	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4x 5
1	Công trình Lắp đặt MBA T2- TBA 110kV Thanh Miện Hải Dương		1	1.685.858.852	1.685.858.852
Cộng tiền hàng					1.685.858.852
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT					168.585.885
Tổng cộng tiền thanh toán					1.854.444.737

Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ tám trăm năm mươi tư triệu bốn trăm bốn mươi tư nghìn bảy trăm ba mươi bảy đồng chẵn.

Người mua hàng Người bán hàng Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Nguồn số liệu:Phòng kế toán Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2.3 : Hóa đơn GTGT (HĐ0000338)

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG Mẫu số : 01GTKT3/001
Liên 3: Nội bộ Ký hiệu: AA/16P
Ngày 25 tháng 12 năm 2016 Số **: 0000338**

Đơn vị bán hàng : Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á

Mã số thuế : 0200425659
Địa chỉ : 670 Trần Nhân Tông- P.Nam Sơn- Q.Kiến An -HP
Điện thoại : 0313.677.063
Số tài khoản :

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vi : Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng Quận Dương Kinh.
Mã số thuế :
Địa chỉ : Quận Dương Kinh- Hải Phòng.
Hình thức thanh toán : Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dich vụ	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4x 5
1	Công trình Nâng cấp DZ0, 4kV quận Dương Kinh		1	35.101.588	35.101.588
Cộng tiền hàng					35.101.588
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT					3.510.159
Tổng cộng tiền thanh toán					38.611.747

Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi tám triệu sáu trăm mười một nghìn bảy trăm bốn mươi bảy đồng chẵn.

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2.4: Trích sổ nhật ký chung

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- Kiến An- HP

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ- BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

ĐVT: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
……	……	……	……..	……	……..	…….
2/12	**HĐ 335**	**2/ 12**	**Bàn giao công trình Lắp đặt MBA T2- TBA 110kV Thanh Miện HD**	**131**	**1.854.444.737**	
				511		**1.685.858.852**
				3331		**168.585.885**
2/12	PKT 83	2/12	Kết chuyển giá vốn công trình Lắp đặt MBA T2- TBA 110kV Thanh Miện HD	632	1.597.792.419	
				154		1.597.792.419
…	…….	……	……..	…..	……	…….
25/ 12	**HĐ 338**	**25/12**	**Công trình Nâng cấp DZ0, 4kV quận Dương Kinh**	**131**	**38.611.747**	
				511		**35.101.588**
				3331		**3.510.159**
25/ 12	PKT 85	25/12	Kết chuyển giá vốn công trình nâng cấp DZ0, 4kV quận Dương Kinh	632	19.345.440	
				154		19.345.440
….	……	.	…….	…	…….	…….
			Cộng phát sinh		**685.737.689.932**	**685.737.689.932**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
Vũ Thị Hà	Vũ Thị Thu Trang	Phạm Trung Thành

(Nguồn số liệu: Phòng Kế Toán Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2.5: Sổ cái TK 511

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- P.Nam Sơn- Kiến An- HP

Mẫu số: S03b- DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Năm 2016

ĐVT: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.sổ	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số PSTK					
…	……	…	……	……	……	….	……	……
2/12	**HĐ 335**	**2/12**	**Bàn giao công trình Lắp đặt MBA T2- TBA 110kV Thanh Miện HD**			**131**		**1.685.858.852**
3/12	HĐ 336	3/12	Bàn giao công trình XD & CT DZ 35kV sau TBA 110kV Châu Khê 2			131		30.679.235
…	…	…	…	…	…	…	…	…
25/ 12	**HĐ 338**	**25/ 12**	**Công trình Nâng cấp DZ0, 4kV quận Dương Kinh**			**131**		**35.101.588**
…	…	…	…	…	…	…	…	…
31/ 12	PKT 88	31/ 12	Kết chuyển doanh thu			911	73.405.220.864	
			Cộng số phát sinh				**73.405.220.864**	**73.405.220.864**
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Vũ Thị Hà	Vũ Thị Thu Trang	Phạm Trung Thành

(Nguồn số liệu: Phòng Kế Toán Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2.8: Sổ cái TK 131

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- P.Nam Sơn- Kiến An- HP

Mẫu số: S03b- DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK : Phải thu khách hàng

Số hiệu: 131

Năm 2016

ĐVT: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.sổ	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm				**29.754.004.499**	
			Số PSTK					
…	….	….	…….	…	…	…	…	…
2/12	**HĐ 335**	**2/ 12**	**Bàn giao công trình Lắp đặt MBA T2- TBA 110kV Thanh Miện HD**			**511**	**1.685.858.852**	
						3331	**168.585.885**	
...	…..	**.....**	**.....**	**.....**	**....**	**.....**	**.....**	**.....**
25/ 12	**HĐ 338**	**25/ 12**	**Công trình Nâng cấp DZ0, 4kV quận Dương Kinh**			**511**	**35.101.588**	
						3331	**3.510.159**	
…	…	…	…	…	…	…	…	…
			Cộng số phát sinh				**86.962.924.270**	**94.586.618.987**
			Số dư cuối năm				**22.130.309.782**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Vũ Thị Hà	Vũ Thị Thu Trang	Phạm Trung Thành

(Nguồn số liệu: Phòng Kế Toán Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2.7: Sổ chi tiết thanh toán với người mua

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- P.Nam Sơn- Kiến An- HP

Mẫu số: S13- DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA
Tên TK : Phải thu khách hàng
Đối tượng : Công ty TNHH MTV Điện Lực Hải Dương.
Năm 2016

ĐVT: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
16/ 09	GBC 09/ 0004	10/ 10	Tạm ứng 50% giá trị công trình lắp đặt trạm biến áp MBA T2- TBA 110kV	112		900.000.000		900.000.000
2/ 12	HĐ 335	2/ 12	Bàn giao công trình lắp đặt trạm biến áp MBA T2- TBA 110kV	511	1.685.858.852		785.858.852	
				3331	168.585.885		954.444.737	
2/ 12	GBC 12/ 00001	2/ 12	Thanh toán tiền bằng chuyển khoản	112		496.500.000	457.944.737	
			Cộng số phát sinh		**1.854.444.737**	**1.396.500.000**		
			Số dư cuối kỳ				**457.944.737**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế Toán Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2.8: Trích bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Năm 2016

Tài khoản : 131

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		SPS trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
….	…….	…		…..	….	……	
15	Công ty TNHH MTV Điện Lực Hải Dương.			1.854.444.737	1.396.500.000	457.944.737	
16	Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng Quận Dương Kinh.	15.740.000		38.611.747	16.850.000	37.501.747	
….	….	….		….	….	….	
	Cộng	**29.754.004.499**		**86.962.924.270**	**94.586.618.987**	**22.130.309.782**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế Toán Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

2.2.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

2.2.2.1 Nội dung:

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

2.2.2.2 Tài khoản và sổ sách sử dụng:

- Tài khoản sử dụng:

  TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính.
- Sổ sách sử dụng:

  Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 515

2.2.2.3 Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu
- Giấy báo có ngân hàng
- Phiếu kế toán và các chứng từ khác có liên quan.

2.2.2.4 Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.5: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

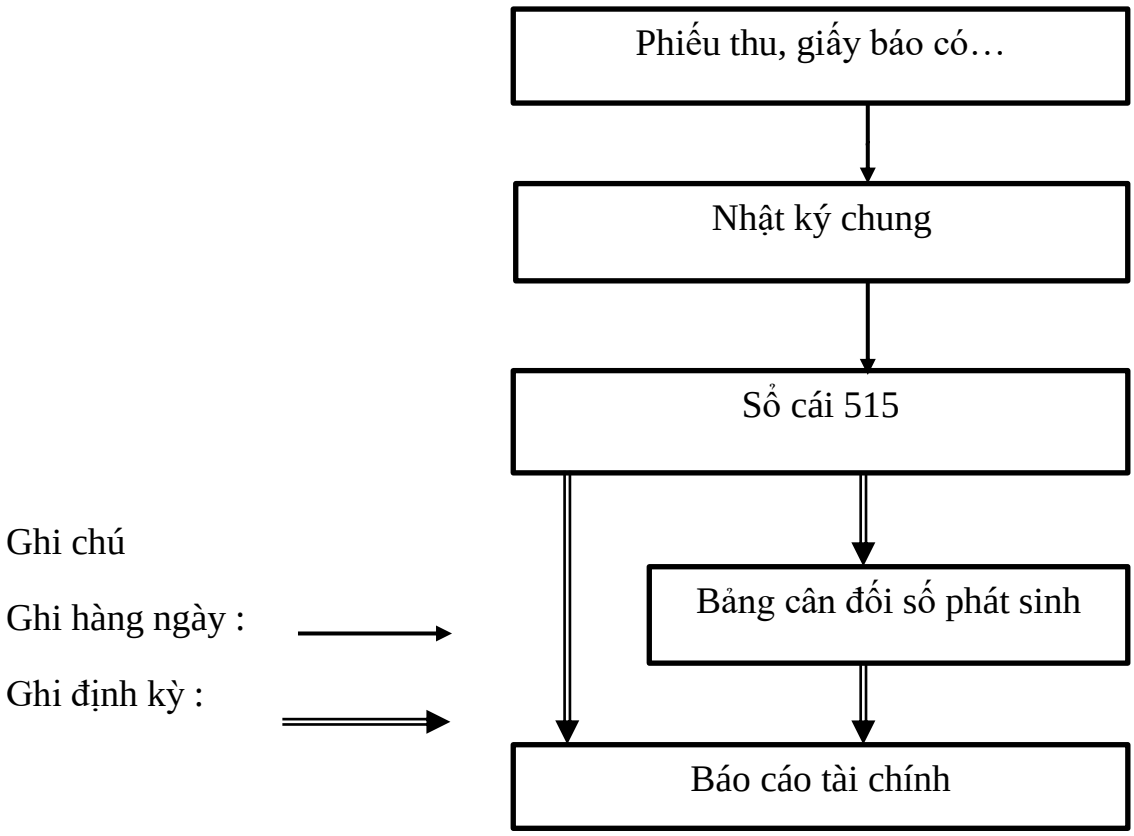

Ví dụ 2.3:

Ngày 25/12/ 2016 công ty nhận giấy báo Có thông báo lãi tiền gửi ngân hàng Vietcombank số tiền 626.207đồng.

- Định khoản:

Nợ 112 : 626.207

Có 515 : 626.207

Căn cứ vào GBC12/ 0008 (biểu số 2.9), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.10). Từ sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 515 (biểu số 2.11). Cuối kỳ căn cứ vào các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Biểu số 2.9: Giấy báo có ngân hàng (GBC 12/0008)

Vietcombank

GIAY BAO CO

Chi nhanh- 275 Lach Tray HP Ngay 25/12/2016 Ma GDV Tran Thi Thuy

Ma KH 54321

So GD 588

Kinh Gui : CTY CP XAY LAP DIEN DONG A

Ma so thue : 0200425659

Hom nay chung toi xin bao da ghi Co tai khoan cua khach hang voi noi dung nhu sau

So tai khoan ghi Co : 00371000418692

So tien bang so : 626.207

So tien bang chu : Sáu trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm linh bảy đồng chẵn.

Noi dung : Lãi nhập vốn.

Giao dich vien Kiem soat

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2.10: Trích sổ nhật ký chung

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- Kiến An- HP

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

ĐVT: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
……	……...	…	……..	……	……...	…….
4/12	GBN 12/ 0001	4/ 12	Thanh toán tiền xi măng cho công ty TNHH Anh Thư	331	30.302.855	
				112		30.302.855
…	…….	……	……..	…..	…….	…….
10/ 12	GBC12/ 0004	10/ 12	Công ty TNHH Thành Đạt trả nợ bằng CK	112	69.911.519	
				131		69.911.519
…	…….	…	…….	……	…….	…….
25/ 12	**GBC12/ 0008**	**25/12**	**NH vietcombank trả lãi trên số dư TK T12**	**112**	**626.207**	
				515		**626.207**
….	……...	.	…….	…	…….	…….
31/ 12	PKT 88	31/ 12	KC doanh thu hoạt động tài chính	515	10.234.626	
				911		10.234.626
…	…	…	…	…	…	…
			Cộng phát sinh		**685.737.689.932**	**685.737.689.932**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sô	Kế toán trưởng	Giám đốc
Vũ Thị Hà	Vũ Thị Thu Trang	Phạm Trung Thành

(Nguồn số liệu: Phòng Kế Toán Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2.11: Sổ cái TK 515

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- P.Nam Sơn- Kiến An- HP

Mẫu số: S03b- DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK : Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Năm 2016

ĐVT: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.sổ	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số PSTK					
…	……	…	……	……	……	….	……	……
25/ 10	GBC10/ 0006	25/ 10	Lãi nhập vốn			112		928.528
25/ 11	GBC 11/ 0013	25/ 11	Lãi nhập vốn			112		520.898
25/ 12	**GBC12/ 0008**	**25/ 12**	**Lãi nhập vốn**			**112**		**626.207**
25/ 12	GBC12/ 0009	25/ 12	Lãi nhập vốn			112		585.791
…	…	…	…	…	…	…	…	…
31/ 12	PKT 88	31/ 12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			911	10.234.626	
			Cộng số phát sinh				**10.234.626**	**10.234.626**
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Vũ Thị Hà	Vũ Thị Thu Trang	Phạm Trung Thành

(Nguồn số liệu: Phòng Kế Toán Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

2.2.3 Kế toán thu nhập khác

2.2.3.1 Nội dung:

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

2.2.3.2 Tài khoản và sổ sách sử dụng:

- Tài khoản sử dụng: TK 711- Thu nhập khác
- Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 711

2.2.3.3 Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu, giấy báo có ngân hàng, hóa đơn GTGT.
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ, các chứng từ khác có liên quan.

2.2.3.4 Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

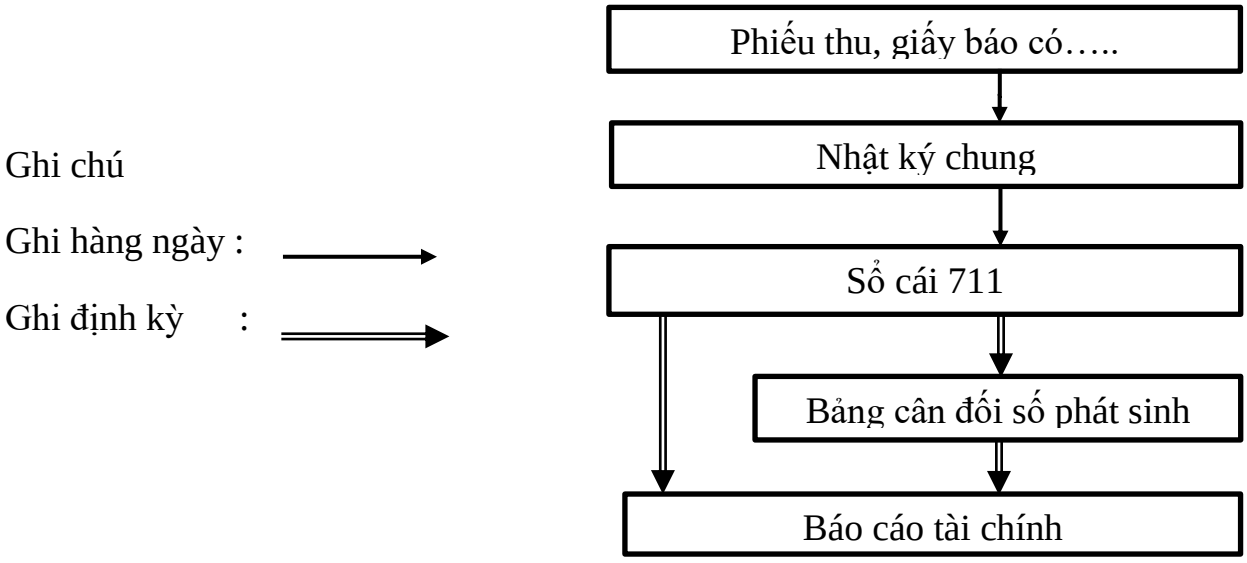

Ví dụ 2.3:

Ngày 20/12/ 2016 công ty nhượng bán 1 xe tải nhẹ 16H- 2708 cho công ty TNHH Lan Huy được sử dụng từ tháng 12/ 2005, nguyên giá 250.000.000 đã khấu hao hết thu được 60.000.000 đồng(chưa gồm thuế GTGT 10%). Khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản .

Căn cứ vào Biên bản thanh lý TSCĐ(biểu số 2.12), hóa đơn GTGT HĐ0000337 (biểu số 2.13), giấy báo có (biểu số 2.14). Kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.15) từ số nhật ký chung ghi vào sổ cái (biểu số 2.16).

Biểu số 2.12 : Biên bản thanh lý tài sản cố định.

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- Q. Kiến An- HP

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Số : 01/ BBTLTSCĐ

Ngày 20 tháng 12 năm 2016

Căn cứ Quyết định số: 01 ngày 20 tháng 12 năm 2016 của công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á về việc thanh lý TSCĐ.

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

Ông : Phạm Trung Thành Chức vụ: Giám đốc công ty

Bà : Vũ Thị Thu Trang Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông : Nguyễn Minh Hải Chức vụ : Thanh tra

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

Tên: Xe tải nhẹ Nhãn hiệu xe: Hyundai

Biển số : 16H- 2708 Số máy: 567892 – Số khung: 768609 Năm đưa vào sử dụng : Năm 2005

Nguyên giá TSCĐ : 250.000.000

Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý : 250.000.000

Giá trị thu hồi : 60.000.000

III. Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ:

Đồng ý thanh lý xe tải nhẹ 16H- 2708.

IV. Kết quả thanh lý TSCĐ:

Chi phí thanh lý TSCĐ: (viết bằng chữ) :

Giá trị thu hồi :60.000.000 (viết bằng chữ) : Sáu mươi triệu đồng chẵn.

Đã ghi giảm TSCĐ ngày 20 tháng 12 năm 2016.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017

Thanh tra	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Minh Hải	Vũ Thị Thu Trang	Phạm Trung Thành

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2.13: Hóa đơn GTGT (HĐ0000337)

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG Mẫu số : 01GTKT3/001
Liên 3: Nội bộ Ký hiệu: AA/16P
Ngày 20 tháng 12 năm 2016 Số **: 0000337**

Đơn vị bán hàng : Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á

Mã số thuế : 0200425659
Địa chỉ : 670 Trần Nhân Tông- P.Nam Sơn- Q.Kiến An -HP
Điện thoại : 0313.677.063
Số tài khoản :

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vi : Công ty TNHH Lan Huy
Mã số thuế : 0201783865
Địa chỉ: Số 23/43 Lê Khắc Cẩn- P. Phù Liễn- Q. Kiến An- HP
Hình thức thanh toán : Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dich vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4x 5
1	Xe tải nhẹ 16H- 2708	Chiếc	1	60.000.000	60.000.000
Cộng tiền hàng					60.000.000
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT					6.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					66.000.000

Số tiền viết bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu đồng chẵn.

Người mua hàng Người bán hàng Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Nguồn số liệu:Phòng kế toán Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2.14: Giấy báo có ngân hàng (GBC 12/0006)

Vietcombank

GIAY BAO CO

Chi nhanh – 275 Lach Tray HP Ngay 20/12/2016 Ma GDV Nguyen Kim Anh
Ma KH 54321
So GD 361

Kinh Gui : CTY CP XAY LAP DIEN DONG A

Ma so thue : 0200425659

Hom nay chung toi xin bao da ghi Co tai khoan cua khach hang voi noi dung nhu sau

So tai khoan ghi Co : 00371000418692
So tien bang so : 66.000.000
So tien bang chu : Sáu mươi sáu triệu đồng chẵn.
Noi dung : Nhượng bán xe tải nhẹ 16H- 2708

Giao dich vien Kiem soat

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2.15: Trích sổ nhật ký chung

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- Kiến An- HP

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

ĐVT: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
……	……	……	……..	……	……...	…….
4/12	GBN 12/ 0001	4/ 12	Thanh toán tiền xi măng cho công ty TNHH Anh Thư	331	30.302.855	
				112		30.302.855
…	…….	……	……..	…..	…….	…….
20/ 12	**HĐ 337 GBC 12/0006**	**20/12**	**Thu tiền từ nhượng bán xe tải nhẹ 16H- 2708**	**112**	**66.000.000**	
				711		**60.000.000**
				3331		**6.000.000**
….	……...	.	…….	…	…….	…….
31/ 12	PKT 88	31/ 12	KC thu nhập khác	711	60.000.000	
				911		60.000.000
…	…	…	…	…	…	…
			Cộng phát sinh		**685.737.689.932**	**685.737.689.932**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
Vũ Thị Hà	Vũ Thị Thu Trang	Phạm Trung Thành

(Nguồn số liệu: Phòng Kế Toán Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2.16: Sổ cái TK 711

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- Kiến An- HP

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK : Thu nhập khác

Số hiệu: 711

Năm 2016

ĐVT: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.sổ	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số PSTK					
20/ 12	**GBC 12/0006**	**20/ 12**	**Thu tiền nhượng bán xe tải nhẹ 16H- 2708**			**112**		**60.000.000**
31/ 12	PKT 88	31/ 12	Kết chuyển thu nhập khác			911	60.000.000	
			Cộng số phát sinh				**60.000.000**	**60.000.000**
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Vũ Thị Hà	Vũ Thị Thu Trang	Phạm Trung Thành

(Nguồn số liệu: Phòng Kế Toán Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

2.2.4 Kế toán giá vốn hàng bán

2.2.4.1 Nội dung:

Giá vốn dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm , hàng hóa, dịch vụ, giá thành của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

2.2.4.2 Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng:

Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán

Sổ sách sử dụng : Sổ Nhật ký chung, sổ cái 632.

2.2.4.3 Chứng từ sử dụng:

Phiếu kế toán, phiếu tính giá thành, các chứng từ khác có liên quan.

2.2.4.4 Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.7: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán.

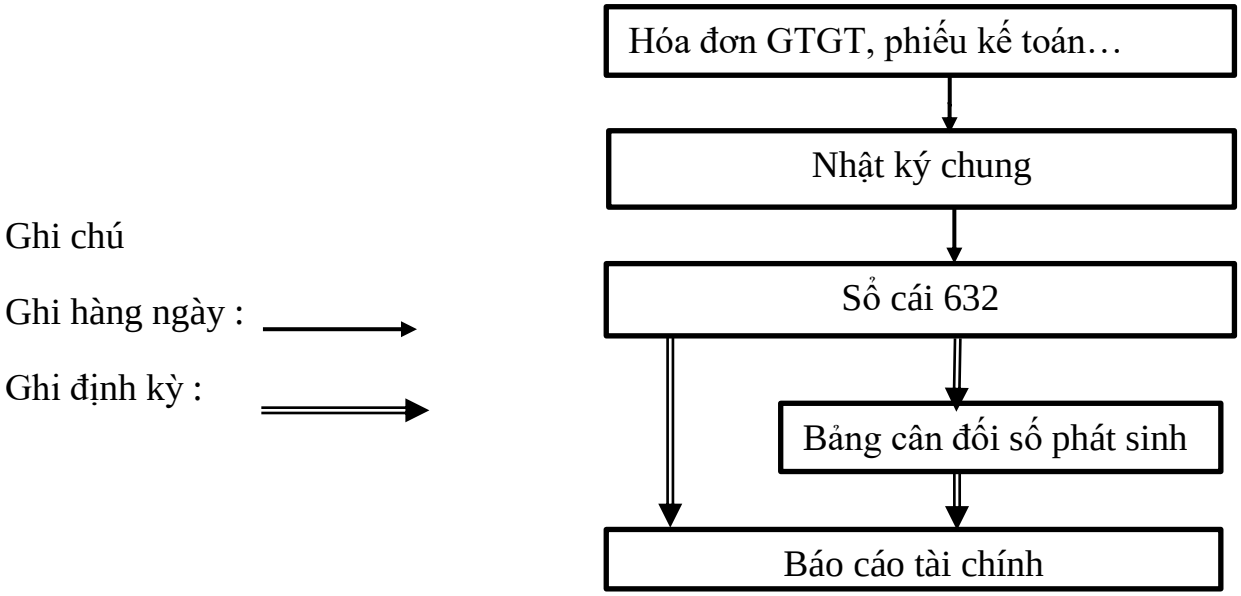

Ví dụ 2.5:

Từ ví dụ 2.1, kế toán ghi nhận doanh thu công trình Lắp đặt MBA T2-TBA 110kV Thanh Miện Hải Dương . Đồng thời kế toán ghi nhận giá vốn công trình vào phiếu tính giá thành (biểu số 2.17) phiếu kế toán (biểu số 2.18) và sổ nhật ký chung (biểu số 2.19) . Từ phiếu kế toán và sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái 632(biểu số 2.20).

Từ ví dụ 2.2, kế toán ghi nhận doanh thu Công trình Nâng cấp DZ0, 4kV quận Dương Kinh . Đồng thời kế toán ghi nhận giá vốn công trình vào phiếu tính giá thành (biểu số 2.17) và phiếu kế toán (biểu số 2.18) và sổ nhật ký chung (biểu số 2.19) . Từ phiếu kế toán và sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái 632(biểu số 2.20).

Biểu số 2. 17: Phiếu tính giá

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- P.Nam Sơn
Q.Kiến An- HP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU TÍNH GIÁ THÀNH

Tên công trình : Lắp đặt MBA T2- TBA 110kV Thanh Miện HD

STT	Khoản mục chi phí	Giá thành
1	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	1.246.943.826
2	Chi phí nhân công trực tiếp	341.350.000
3	Chi phí sản xuất chung	9.498.593
	Tổng cộng	1.597.792.419

Ngày 02 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu (Ký, ghi rõ họ tên) | Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên) | Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- P.Nam Sơn
Q.Kiến An- HP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU TÍNH GIÁ THÀNH

Tên công trình : Nâng cấp DZ0, 4kV quận Dương Kinh

STT	Khoản mục chi phí	Giá thành
1	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	13.012.296
2	Chi phí nhân công trực tiếp	5.450.000
3	Chi phí sản xuất chung	883.144
	Tổng cộng	19.345.440

Ngày 25 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu (Ký, ghi rõ họ tên) | Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên) | Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế Toán Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2. 18: Phiếu kế toán

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- P.Nam Sơn
Q.Kiến An- HP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 83

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	KC giá vốn công trình lắp đặt MBA T2- TBA 110kV Thanh Miện HD	632	154	1.597.792.419
	Tổng cộng			1.597.792.419

Kèm theo : 0 chứng từ gốc Ngày 2 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- P.Nam Sơn
Q.Kiến An- HP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 85

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	KC giá vốn công trình nâng cấp DZ0, 4kV quận Dương Kinh	632	154	19.345.440
	Tổng cộng			19.345.440

Kèm theo : 0 chứng từ gốc Ngày 25 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế Toán Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2.19: Trích sổ nhật ký chung

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á — Mẫu số S03a- DNN

Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- Kiến An- HP — (Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

ĐVT: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
……	…….	…….	……..	……	……..	…….
2/12	HĐ 335	2/ 12	Bàn giao công trình Lắp đặt MBA T2- TBA 110kV Thanh Miện HD	131	1.854.444.737	
				511		1.685.858.852
				3331		168.585.885
2/12	**PKT 83**	**2/12**	**Kết chuyển giá vốn công trình Lắp đặt MBA T2- TBA 110kV Thanh Miện HD**	**632**	**1.597.792.419**	
				154		**1.597.792.419**
…	…….	……	……..	…..	…….	…….
25/ 12	HĐ 338	25/12	Công trình Nâng cấp DZ0, 4kV quận Dương Kinh	131	38.611.747	
				511		35.101.588
				3331		3.510.159
25/ 12	**PKT 85**	**25/12**	**Kết chuyển giá vốn công trình nâng cấp DZ0, 4kV quận Dương Kinh**	**632**	**19.345.440**	
				154		**19.345.440**
….	……..	.	…….	…	…….	…….
			Cộng phát sinh		**685.737.689.932**	**685.737.689.932**

Ngày 31tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sô	Kế toán trưởng	Giám đốc
Vũ Thị Hà	Vũ Thị Thu Trang	Phạm Trung Thành

(Nguồn số liệu: Phòng Kế Toán Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2.20: Sổ cái TK 632

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- P.Nam Sơn- Kiến An- HP

Mẫu số: S03b- DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK : Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Năm 2016

ĐVT: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.sổ	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số PSTK					
…	……	…	……	…	……	….	……	……
2/12	**PKT 83**	**2/12**	**KC giá vốn công trình Lắp đặt MBA T2- TBA 110kV Thanh Miện HD**			**154**	**1.597.792.419**	
…	…	…	…	…	…	…	…	…
25/ 12	**PKT 85**	**25/ 12**	**KC giá vốn Nâng cấp DZ0, 4kV quận Dương Kinh**			**154**	**19.345.440**	
…	…	…	…	…	…	…	…	…
31/ 12	PKT 89	31/ 12	Kết chuyển giá vốn hàng bán			911		67.448.956.632
			Cộng số phát sinh				**67.448.956.632**	**67.448.956.632**
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Vũ Thị Hà	Vũ Thị Thu Trang	Phạm Trung Thành

(Nguồn số liệu: Phòng Kế Toán Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

2.2.5 Kế toán chi phí tài chính:

2.2.5.1 Nội dung:

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán…Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái..

2.2.5.2 Tài khoản và sổ sách sử dụng:

Tài khoản 635- Chi phí tài chính

- Sổ sách sử dụng:

Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 635

2.2.5.3 Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi, giấy báo có ngân hàng.
- Biên bản góp vốn liên doanh, các chứng từ khác có liên quan.

2.2.5.4 Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.8: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

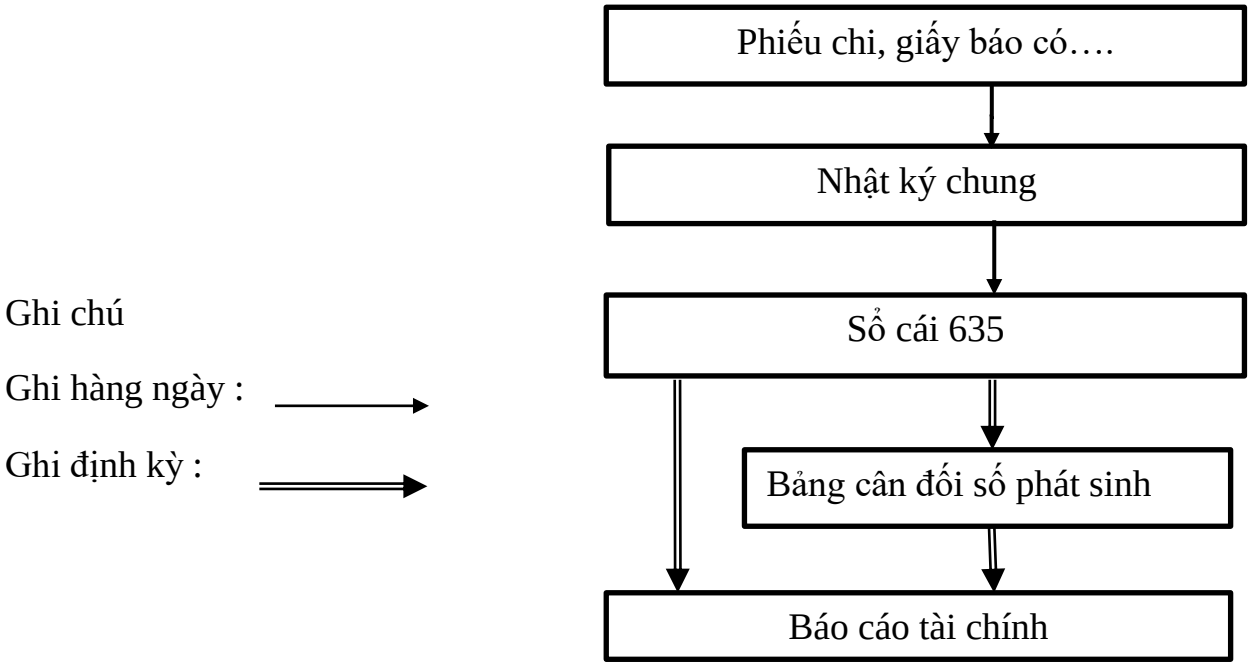

Ví dụ 2.5:

Ngày 24/ 12/ 2016 ngân hàng vietcombank gửi Giấy báo nợ thông báo thu tiền lãi vay tháng 12.

- Định khoản :

Nợ 635: 27.018.979

Có 112: 27.018.979

Căn cứ giấy báo nợ ngân hàng (biểu số 2.21) kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.22). Từ sổ nhật ký chung kế toán phản ánh và sổ cái TK 635. Cuối kỳ căn cứ vào số liệu ghi trên sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Biểu số 2.21 : Giấy báo nợ (GBN 12/ 0007)

Vietcombank

GIAY BAO NO

Chi nhanh – 275 Lach Tray HP Ngay 24/12/2016 Ma GDV Pham Hoai Thu
Ma KH 54321
So GD 476

Kinh Gui : CTY CP XAY LAP DIEN DONG A
Ma so thue : 0200425659

Hom nay chung toi xin bao da ghi No tai khoan cua khach hang voi noi dung nhu sau
So tai khoan ghi No : 00371000418692
So tien bang so : 27.018.979
So tien bang chu : Hai mươi bảy triệu không trăm mười tám nghìn chín trăm bảy mươi chín đồng chẵn.
Noi dung : Trả tiền lãi tháng 12.

Giao dich vien Kiem soat

(Nguồn số liệu: Phòng Kế Toán Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2.22: Trích sổ nhật ký chung

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- Kiến An- HP

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2016

ĐVT: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
…	…….	……	……..	…..	…….	…….
10/12	GBC12/0004	10/12	Công ty TNHH Thành Đạt trả nợ bằng CK	112	69.911.519	
				131		69.911.519
…	…	…	…	…	…	…
24/12	**GBN 12/0007**	**24/12**	**Trả lãi vay T12 cho ngân hàng vietcombank**	**635**	**27.018.979**	
				112		**27.018.979**
….	….	….	….	….	….	….
31/12	PKT 89	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	181.777.187	
				635		181.777.187
….	….	….	….	….	….	….
			Cộng phát sinh		**685.737.689.932**	**685.737.689.932**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sô	Kế toán trưởng	Giám đốc
Vũ Thị Hà	Vũ Thị Thu Trang	Phạm Trung Thành

(Nguồn số liệu: Phòng Kế Toán Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2.23: Sổ cái TK 635

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- P.Nam Sơn- Kiến An- HP

Mẫu số: S03b- DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK : Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu: 635

Năm 2016

ĐVT: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.sổ	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số PSTK					
…	……	…	……	……	……	….	……	……
24/ 09	GBN 09/ 0009	24/ 09	Trả lãi vay ngân hàng			112	12.055.556	
24/ 10	GBN 10/ 0005	24/ 10	Trả lãi vay ngân hàng			112	11.472.222	
09/ 11	GBN 11/ 0003	09/ 11	Trả gốc vay + lãi vay			112	5.444.444	…
24/ 12	**GBN 12/ 0007**	**24/ 12**	**Trả lãi vay ngân hàng**			**112**	**27.018.979**	
31/ 12	PKT 89	31/ 12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính			911		181.777.187
			Cộng số phát sinh				**181.777.187**	**181.777.187**
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Vũ Thị Hà	Vũ Thị Thu Trang	Phạm Trung Thành

(Nguồn số liệu: Phòng Kế Toán Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

2.2.6 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.6.1 Nội dung:

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

2.2.6.2 Tài khoản và sổ sách sử dụng:

Tài khoản 642- Chi phí quản lý kinh doanh

- Sổ sách sử dụng:
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 642

2.2.6.3 Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT, bảng thanh toán lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao, các chứng từ khác có liên quan.

2.2.6.4 Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.9: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

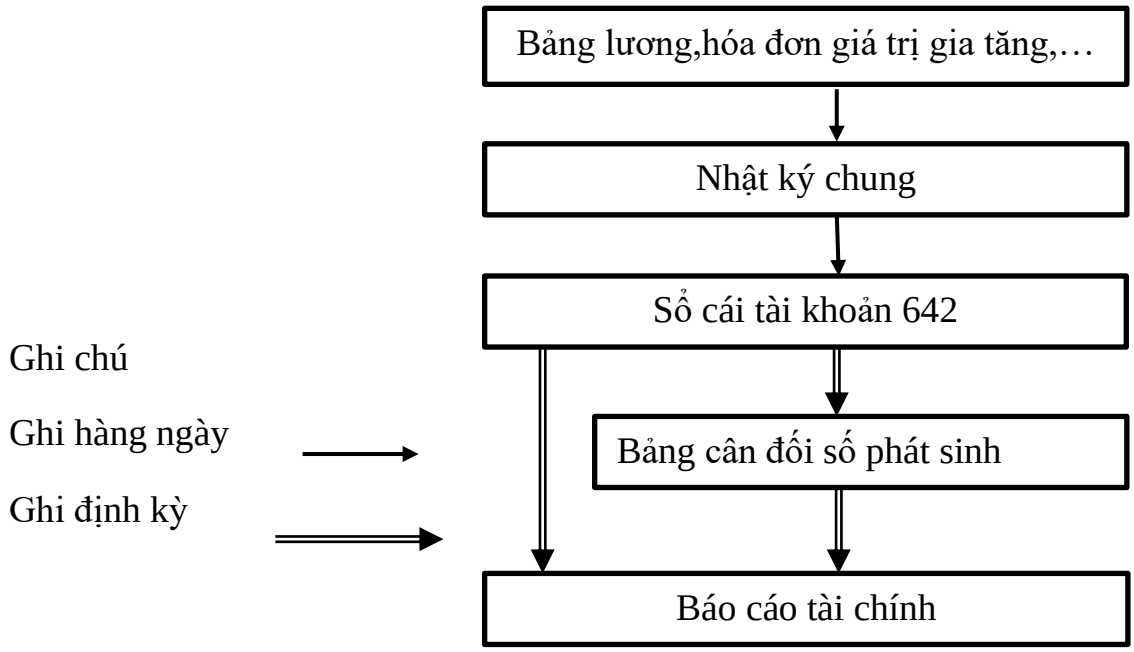

Ví dụ 2.6:

a) Ngày 6/ 12/ 2016 phát sinh nghiệp vụ chi tiền tiếp khách 1.012.000 đồng.

- Định khoản:

Nợ 642 : 920.000

Nợ 133 : 92.000

Có 111: 1.012.000

Căn cứ , hóa đơn GTGT (biểu số 2.24), phiếu chi (biểu số 2.25) kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.27). Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 642(biểu số 2.28). Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên sổ cái 642 kế toán lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

b) Ngày 25/ 12/ 2016 chi sửa xe Oto Mazda cty CP OtoTrường Hải.

- Định khoản:

Nợ 642 : 5.890.000

Nợ 133: 589.000

Có 112: 6.479.000

Căn cứ vào HĐ GTGT (biểu số 2.26) kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.27). Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 642(biểu số 2.28). Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên sổ cái 642 kế toán lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Biểu số 2.24: Hóa đơn GTGT HĐ0000926

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao người mua
Ngày 06 tháng 12 năm 2016

Mẫu số 01GTKT3/002
Ký hiệu: AA/16P
Số **: 0000926**

Đơn vị bán hàng : Nhà hàng Gió Biển

Mã số thuế :
Địa chỉ : Số 1 Lô 3B- Lê Hồng Phong- Q.Ngô Quyền- HP
Điện thoại :
Số tài khoản :

Họ tên người mua hàng : Vũ Văn Viên
Tên đơn vi : Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Mã số thuế : 0200425659
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- Nam Sơn- Kiến An- Hải Phòng
Hình thức thanh toán : TM Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dich vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cá diêu hồng sốt xá xíu	Đĩa	1	340.000	340.000
2	Cơm hải sản gói lá sen	Nồi	1	290.000	290.000
3	Xà lách cá ngừ	Đĩa	1	190.000	190.000
4	Bia Heineken lon	Lon	5	20.000	100.000
Cộng tiền hàng					920.000
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT					92.000
Tổng cộng tiền thanh toán					1.012.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu không trăm mười hai nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)
Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)
Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế Toán Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2.25 : Phiếu chi PC74/ 12

Đơn vị: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ : 670 Trần Nhân Tông- Nam Sơn
Kiến An- HP

Mẫu số: 02- TT
Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 06 tháng 12 năm 2016
Số 74
Nợ TK 642 : 920.000
Nợ TK 133 : 92.000
Có TK 111 : 1.012.000

Người nhận tiền: Nguyễn Hữu Trình
Địa chỉ : Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Lý do chi: Chi tiền tiếp khách
Số tiền : 1.012.000 (Viết bằng chữ) : Một triệu không trăm mười hai nghìn đồng chẵn.
Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Ngày 06 tháng 12 năm 2016

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký,họ tên,đóng dấu)	(Ký,họ tên)	Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : Một triệu không trăm mười hai nghìn đồng chẵn .

(Nguồn số liệu: Phòng Kế Toán Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2.26: Hóa đơn GTGT HĐ0000769

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG Mẫu số 01GTKT3/002
Liên 2: Giao người mua Ký hiệu: AA/16P
Ngày 25 tháng 12 năm 2016 Số **: 0000769**

Đơn vị bán hàng : Công Ty CP oto Trường Hải
Mã số thuế : 3600252847032
Địa chỉ : Số 336 đường Hà Nội- P. Sở Dầu- Q. Hồng Bàng- HP
Điện thoại :
Số tài khoản :

Họ tên người mua hàng : Vũ Văn Viên
Tên đơn vi : Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Mã số thuế : 0200425659
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- Nam Sơn- Kiến An- Hải Phòng
Hình thức thanh toán : TM Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dich vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Đèn pha	Chiếc	1	4.100.000	4.100.000
2	Van tiết lưu	Cái	2	400.000	800.000
3	Bảo dưỡng				990.000
Cộng tiền hàng					5.890.000
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT					589.000
Tổng cộng tiền thanh toán					6.479.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)
Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)
Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế Toán Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2.27: Trích sổ nhật ký chung

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- Kiến An- HP

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ- BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

ĐVT: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
….	….	….	….	….	….	….
6/12	**HĐ 926 PC 74/12**	**6/ 12**	**Chi tiền tiếp khách**	**642**	**920.000**	
				133	**92.000**	
				111		**1.012.000**
….	….	….	….	….	….	….
11/ 12	GBC 12/ 0005	11/ 12	Công ty Hải Lâm trả nợ bằng CK	112	30.000.000	
				331		30.000.000
….	….	….	….	….	….	….
25/ 12	**HĐ 769 PC 81/12**	**25/ 12**	**Thanh toán tiền sửa xe oto Mazda**	**642**	**5.890.000**	
				133	**589.000**	
				111		**6.479.000**
….	……	.	…….	…	…….	…….
31/ 12	PKT 89	31/ 12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	5.066.732.505	
				642		5.066.732.505
….	….	….	….	….	….	….
			Cộng phát sinh		**685.737.689.932**	**685.737.689.932**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán ghi sô	Kế toán trưởng	Giám đốc
Vũ Thị Hà	Vũ Thị Thu Trang	Phạm Trung Thành

(Nguồn số liệu: Phòng Kế Toán Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2.28: Sổ cái TK 642

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- P.Nam Sơn- Kiến An- HP

Mẫu số: S03b- DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK : Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Năm 2016

ĐVT: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.sổ	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số PSTK					
…	……	…	……	… …	……	….	……	……
6/12	**PC 74/12**	**6/ 12**	**Chi tiền tiếp khách**			**111**	**920.000**	
…	…	…	…	…	…	…	…	…
24/ 12	PC 80/12	24/ 12	Chi tiền mặt mua văn phòng phẩm			111	1.250.000	
25/ 12	**PC 81/12**	**25/ 12**	**Thanh toán tiền sửa xe oto Mazda**			**112**	**5.890.000**	
…	…	…	…	…	…	…	…	…
31/12	PKT 89	31/ 12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh			911		5.066.732.505
			Cộng số phát sinh				**5.066.732.505**	**5.066.732.505**
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Vũ Thị Hà	Vũ Thị Thu Trang	Phạm Trung Thành

(Nguồn số liệu: Phòng Kế Toán Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

2.2.7 Kế toán chi phí khác

Trong kỳ doanh nghiệp không phát sinh khoản chi phí khác.

2.2.8 Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh .

2.2.8.1 Nội dung:

Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á xác định kết quả kinh doanh vào cuối kỳ kế toán. Công thức xác định kết quả kinh doanh của công ty:

Kết quả kinh doanh = **Kết quả hoạt động kinh doanh** + **Kết quả hoạt động khác**

Kết quả hoạt động kinh doanh:

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** + **Doanh thu hoạt động tài chính** - **Chi phí tài chính** - **Chi phí quản lý kinh doanh**

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ = **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ** - **Giá vốn hàng bán**

Kết quả hoạt động khác:

Hoạt động khác = **Thu nhập khác** - **Chi phí khác**

2.2.8.2 Tài khoản và sổ sách sử dụng :

Tài khoản 911- Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản 421- Lợi nhuận chưa phân phối.

- Sổ sách sử dụng:

Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 911, 421, 821.

2.2.8.3 Chứng từ sổ sách

Phiếu kế toán

Các chứng từ khác có liên quan

2.2.8.4 Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.10 : Sơ đồ hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

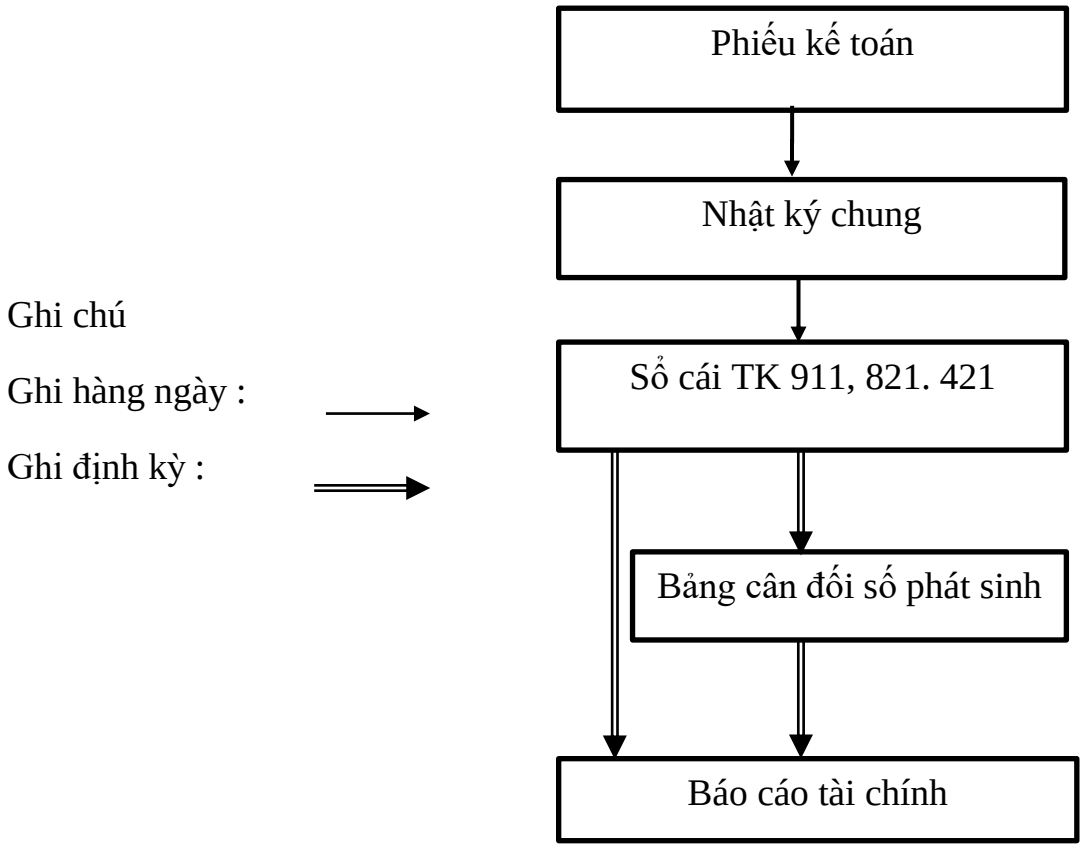

Ví dụ 2.8 : Xác định kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016.

Căn cứ vào các phiếu kế toán (biểu số 2.29) kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.30). Từ sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái cái tài khoản liên quan. Cuối kỳ, căn cứ số liệu trên sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Biểu số 2.29 : Phiếu kế toán

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- P.Nam Sơn
Q.Kiến An- HP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 88

Năm 2016

ĐVT : VNĐ

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	73.405.220.864
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	10.234.626
3	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	60.000.000
	Tổng cộng			73.475.455.490

Kèm theo : 0 chứng từ gốc Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- P.Nam Sơn
Q.Kiến An- HP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 89

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	67.648.956.632
2	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	181.777.187
3	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	5.066.732.505
	Tổng cộng			72.897.466.320

Kèm theo : 0 chứng từ gốc Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu (Ký, ghi rõ họ tên) | Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên) | Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- P.Nam Sơn
Q.Kiến An- HP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 90

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Xác định chi phí thuế TNDN	821	3334	115.597.834
	Tổng cộng			115.597.834

Kèm theo : 0 chứng từ gốc Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu (Ký, ghi rõ họ tên) | Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên) | Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- P.Nam Sơn Q.Kiến An- HP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 91

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển CP thuế TNDN	911	821	115.597.834
	Tổng cộng			115.597.834

Kèm theo : 0 chứng từ gốc Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- P.Nam Sơn Q.Kiến An- HP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 92

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển lãi	911	421	462.391.336
	Tổng cộng			462.391.336

Kèm theo : 0 chứng từ gốc Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2.30: Trích sổ nhật ký chung

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông-Kiến An- HP

Mẫu số: S03a- DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính : VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TKĐU	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
…..	…	……	……	……	…….
PKT 88	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	73.405.220.864	
			911		73.405.220.864
PKT 88	31/12	KC doanh thu hoạt động tài chính	515	10.234.626	
			911		10.234.626
PKT 88	31/12	KC thu nhập khác	711	60.000.000	
			911		60.000.000
PKT 89	31/12	KC giá vốn	911	67.648.956.632	
			632		67.648.956.632
PKT 89	31/12	KC chi phí quản lý DN	911	5.066.732.505	
			642		5.066.732.505
PKT 89	31/12	KC chi phí tài chính	911	181.777.187	
			635		181.777.187
PKT 90	31/12	KC thuế TNDN	821	115.597.834	
			3334		115.597.834
PKT 91	31/12	KC chi phí thuế TNDN	911	115.597.834	
			821		115.597.834
PKT 92	31/12	KC lãi	911	462.391.336	
			421		462.391.336
		Cộng phát sinh		**685.737.689.932**	**685.737.689.932**

Ngày 31tháng 12năm 2016

Kế toán ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế Toán Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2.31: Sổ cái TK 911

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- P.Nam Sơn- Kiến An- HP

Mẫu số: S03b- DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK : Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Năm 2016

ĐVT: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.sổ	STT D		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số PSTK					
31/ 12	PKT 88	31/ 12	KC doanh thu bán hàng			511		73.405.220.864
31/ 12	PKT 88	31/ 12	KC doanh thu hoạt động tài chính			515		10.234.626
31/ 12	PKT 88	31/ 12	KC thu nhập khác			711		60.000.000
31/ 12	PKT 89	31/ 12	KC giá vốn hàng bán			632	67.648.956.632	
31/ 12	PKT 89	31/ 12	KC chi phí tài chính			635	181.777.187	
31/ 12	PKT 89	31/ 12	KC chi phí QLKD			642	5.066.732.505	
31/ 12	PKT 91	31/ 12	KC chi phí thuế TNDN			821	115.597.834	
31/ 12	PKT 92	31/ 12	KC lãi			421	462.391.336	
			Cộng số phát sinh				**73.475.455.490**	**73.475.455.490**
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Vũ Thị Hà	Vũ Thị Thu Trang	Phạm Trung Thành

(Nguồn số liệu: Phòng Kế Toán Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2.32: Sổ cái TK 821

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- P.Nam Sơn- Kiến An- HP

Mẫu số: S03b- DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Năm 2016

ĐVT: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.sổ	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số PSTK					
31/ 12	PKT 90	31/ 12	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp			3334	115.597.834	
31/ 12	PKT 91	31/ 12	KC thuế thu nhập doanh nghiệp			911		115.597.834
			Cộng số phát sinh				**115.597.834**	**115.597.834**
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Vũ Thị Hà	Vũ Thị Thu Trang	Phạm Trung Thành

(Nguồn số liệu: Phòng Kế Toán Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2.33: Sổ cái TK 421

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- P.Nam Sơn- Kiến An- HP

Mẫu số: S03b- DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK : Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Năm 2016

ĐVT: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.sổ	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					**1.880.946.610**
			Số PSTK					
….	……	……	…….	……	…..	…	….	
31/ 12	PKT 92	31/ 12	Kết chuyển lãi			911		462.391.336
			Cộng số phát sinh				**523.360.290**	**462.391.336**
			Số dư cuối năm					**1.819.977.656**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Vũ Thị Hà	Vũ Thị Thu Trang	Phạm Trung Thành

(Nguồn số liệu: Phòng Kế Toán Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

Biểu số 2.34: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Mẫu số B02-DNN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2006/QĐ –BTC)
Ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

STT	Chỉ tiêu	Mã	TM	Số năm nay	Số năm trước
1	Doanh thu bán hàng và CCDV	01	IV.08	73.405.220.864	100.266.032.415
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về BH và CCDV	10		73.405.220.864	100.266.032.415
4	Giá vốn hàng bán	11		67.648.956.632	93.764.399.643
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		5.756.264.230	6.501.632.772
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		10.234.626	16.726.515
7	Chi phí tài chinh	22		181.777.187	104.108.284
	- Trong đó chi phi lãi vay	23		181.777.187	104.108.284
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		5.066.732.505	5.581.616.981
9	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	30		517.989.166	832.634.022
10	Thu nhập khác	31		60.000.000	
11	Chi phí khác	32			
12	Lợi nhuận khác	40		60.000.000	
13	Tổng LNKT trước thuế	50	IV.09	577.989.170	832.634.022
14	Chi phí thuế TNDN	51		115.597.834	183.179.485
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		462.391.336	649.454.537

Ngày.. tháng.. năm…

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế Toán Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á)

CHƯƠNG 3
CÁC GIẢI PHÁP NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN ĐÔNG Á

3.1 Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á.

3.1.1 Yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Công tác doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là khâu quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh, qua đó có thể đánh giá được thực trạng phát triển, những ưu điểm và hạn chế còn tồn tại trong doanh nghiệp. Do đó việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh ngày càng được chú trọng. Để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh cần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Nắm vững chức năng, nhiệm vụ của công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Vì vậy cần hoàn thiện bộ máy kế toán và công tác hạch toán để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh trong công ty .

- Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh không chỉ trên lý thuyết mà phải phù hợp và nâng cao hiệu quả kinh doanh trong công ty. Việc hoàn thiện công tác kế toán phải bám sát vào thực tế và trình độ quản lý của doanh nghiệp, các thông tin kế toán phải xác thực phù hợp với đặc thù hoạt động và ngành nghề kinh doanh.

3.1.2 Ưu điểm:

3.1.2.1 Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh:

- Công ty đã tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời, nhanh chóng.

3.1.2.2 Về tổ chức bộ máy kế toán:

- Bộ máy kế toán của công ty theo mô hình tập trung phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh và quản lý của công ty. Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhận chức năng riêng của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng,

đảm bảo chuyên môn hóa của mỗi kế toán viên cũng như tạo điều kiện cho mỗi các nhân phát huy năng lực làm việc của bản thân.

- Ngoài ra việc áp dụng mô hình kế toán tập trung còn đảm bảo sự tập trung, thống nhất và chặt chẽ trong việc chỉ đạo công tác kế toán giúp đơn vị kiểm tra, chỉ đạo sản xuất kịp thời , tạo điều kiện cho việc ứng dụng các phương tiện tính toán hiện đại .

3.1.2.3 Về chứng từ kế toán và tài khoản sử dụng:

- Các chứng từ kế toán sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định.
- Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.
- Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ.

3.1.2.4 Về tổ chức hệ thống sổ sách kế toán:

- Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này đơn giản, sổ sách kế toán mở đầy đủ phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thông tin tài chính được phản ánh kịp thời, rõ ràng và đầy đủ tạo điều kiện cho lãnh đạo công ty trong công tác quản lý, từ đó có thể đưa ra biện pháp phù hợp để chỉ đạo sản xuất.

3.1.2.5 Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty:

- Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nhìn chung đã đúng theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/ 2006/ QĐ- BTC ban hành ngày 14/09/ 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

3.1.3 Nhược điểm:

Bên cạnh những kết quả đạt được thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á còn một số hạn chế sau:

3.1.3.1 Chưa phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần.

Hiện nay, tại doanh nghiệp chưa phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần của từng công trình. Do vây, doanh nghiệp chưa xác định được cụ thể kết quả kinh doanh của từng công trình. Chính vì vậy, doanh nghiệp cần phải phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần.

3.1.3.2 Chế độ kế toán :

Hiện tại, công ty đang áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 48/ 2006/ QĐ- BTC ngày 14/ 09/ 2016. Tuy nhiên qua tìm hiểu thực tế, em thấy quy mô vốn, doanh thu và các chỉ tiêu kinh tế khác tương đối lớn thì việc áp dụng chế độ kế toán là chưa phù hợp.

3.1.3.3 Chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán:

Khách hàng luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy, việc không áp dụng những chính sách về chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ không khuyến khích được khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này làm chậm khả năng thu hồi vốn của công ty và giảm số lượng khách hàng.

3.1.3.4 Chưa ứng dụng khoa học công nghệ trong tổ chức kế toán.

Hiện nay, công ty mới chỉ thực hiện công tác kế toán trên excel nên khá mất thời gian, công sức, đôi khi còn nhầm lẫn, sai lệch về mặt số liệu và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á.

3.2.1 Giải pháp 1: Phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần.

Để xác định chính xác kết quả kinh doanh cuối cùng cụ thể cho từng công trình, ta lấy lợi nhuận gộp trừ đi chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho từng công trình. Ta có thể phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần với công thức sau:

$$\text{Chi phí quản lý kinh doanh cho công trình X} = \frac{\text{Tổng chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh}}{\text{Tổng doanh thu thuần của tất cả công trình}} \times \text{Doanh thu thuần của công trình X}$$

Ví dụ : Phân bổ chi phí quản lý kinh doanh cho công trình Nâng cấp DZ0 4kV quận Dương Kinh.

Doanh thu thuần của tất cả các công trình: 73.405.220.864 đồng.

Doanh thu thuần công trình Nâng cấp DZ0 4kV quận Dương Kinh: 35.101.588 đồng.

Giá vốn công trình Nâng cấp DZ0 4kV quận Dương Kinh: 19.345.440 đồng.

Chi phí quản lý kinh doanh của tất cả các công trình : 5.066.732.505đồng.

$$\text{CPQLKD phân bổ cho CT Nâng cấp DZ0 4kV quận Dương Kinh} = \frac{5.066.732.505}{73.405.220.864} \times 35.101.588$$

$$= 2.422.857 \text{ (đồng)}$$

Biểu số 3.1 : Bảng chi tiết kết quả kinh doanh của từng công trình trong doanh nghiệp :

Đơn vi: Công ty CP Xây Lắp Điện Đông Á
Địa chỉ: 670 Trần Nhân Tông- P.Nam Sơn- Kiến An- HP

BẢNG CHI TIẾT KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA TỪNG CÔNG TRÌNH

Năm 2016

STT	Tên công trình	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp	CPQLKD phân bổ cho từng công trình	Kết quả kinh doanh	Ghi chú
…..	…..	…..	…..	…..	…..	…..	…..
	Nâng cấp DZ0, 4kV quận Dương Kinh	35.101.588	19.345.440	15.756.148	2.422.857	13.333.291	
…..	…..	…..	…..	…..	…..	…..	…..
	Tổng cộng	**73.405.220.864**	**67.648.956.632**	**5.756.264.230**	**5.066.732.505**	**689.531.725**	

3.2.2 Giải pháp 2: Nên áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014/ TT- BTC.

Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á với quy mô lớn, vốn điều lệ 19.000.000 tỷ đồng. Doanh thu năm 2015 là 100.266.032.415 năm 2016 là 73.405.220.864 doanh nghiệp hoàn toàn đáp ứng tiêu chí là một công ty lớn trong đó doanh nghiệp vẫn làm kế toán theo QĐ 48/ 2006/ QĐ- BTC như vậy là không phù hợp, không thể hiện đầy đủ nội dung, bản chất của từng đối tượng kế toán. Chính vì vậy doanh nghiệp nên áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 200/ 2014/ TT- BTC. Khi đó, việc hạch toán cũng như sử dụng tài khoản sẽ phù hợp hơn.

- ***Hệ thống tài khoản:***Doanh nghiệp nên bổ sung thêm một số tài khoản đầu 6 như : 621, 622, 623, 627, 641…
- ***Báo cáo tài chính*** :

  Báo cáo kết quả kinh doanh cần bổ sung thêm năm chỉ tiêu sau:

- Chi phí bán hàng.
- Chi phí thuế TNDN hiện hành.
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu.
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Biểu số 3.2: Báo cáo kết quả kinh doanh

Mẫu số B02-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 200/ 2014/TT)
Ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm….

STT	Chỉ tiêu	Mã	TM	Số năm nay
1	Doanh thu bán hàng và CCDV	01		
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3	Doanh thu thuần về BH và CCDV	10		
4	Giá vốn hàng bán	11		
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		
7	Chi phí tài chinh	22		
	- Trong đó chi phi lãi vay	23		
8	Chi phí bán hàng	24		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		
11	Thu nhập khác	31		
12	Chi phí khác	32		
13	Lợi nhuận khác	40		
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		

Ngày … tháng …năm…

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.2.3 Giải pháp 3 : Nên áp dụng chiết khấu thanh toán.

❖ ***Khái niệm***:

Chiết khấu thanh toán : là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết.

❖ ***Mục đích:***

CKTT cho khách hàng tuy là một khoản chi phí của mỗi doanh nghiệp nhưng nó lại có hiệu quả khá tích cực trong việc tăng cường công tác thu hồi vốn, nâng cao hiệu quả thu hút khách hàng mới, khách hàng tiềm năng và giữ khách hàng trung thành.

Ngoài ra việc sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ tác động vào tâm lý khách hàng giúp khách hàng thanh toán tiền hàng nhanh chóng trước hạn, tránh tình trạng chiếm dụng vốn lớn và lâu dài.

❖ ***Phương pháp xác định:***

Để xác định mức chiết khấu thanh toán có thể dựa trên các yếu tố:

- Tỷ lệ lãi suất ngân hàng.
- Thời gian thanh toán tiền hàng
- Dựa vào mức CKTT của doanh nghiệp cùng loại ..

Khoản chiết khấu thanh toán được hạch toán vào TK 635- Chi phí tài chính.

Hiện nay, với đặc điểm sản xuất kinh doanh thì công ty có thể lựa chọn 2 yếu tố là thời gian thanh toán tiền hàng và lãi suất ngân hàng để làm căn cứ xác định tỷ lệ chiết khấu thanh toán.

Biểu số 3.3: Đề xuất tỷ lệ chiết khấu thanh toán.

Số ngày thanh toán sớm	Dưới 15 ngày	15- 30 ngày	Trước 30 ngày
Tỷ lệ chiết khấu được hưởng	0.5%/ tháng	0.7%/ tháng	1%/ tháng

❖ ***Phương pháp hạch toán:***

- Khi áp dụng CKTT cho khách hàng:

Nợ TK 635: Số tiền chiết khấu cho khách hàng

Có TK 111,112, 131: Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách.

- Cuối kỳ kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK 911.

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

Ví dụ :

Ngày 10/ 04 / 2016 công ty Điện Lực Thái Bình chuyển khoản 436.750.319 đồng thanh toán tiền hàng theo GBC 04/0009 trong hợp đồng xây lắp số 1426/ HDTK ghi ngày thanh toán là 20/ 04/ 2016 .

Theo như bảng đề xuất tỷ lệ chiết khấu thanh toán ở trên thì công ty Điện Lực Thái Bình được áp dụng mức chiết khấu thanh toán là 0.5%/ tháng(Do công ty Điện Lực Thái Bình thanh toán trước 10 ngày so với thời gian ghi trong hợp đồng)

$$\text{Số tiền CKTT} = \frac{436.750.319 \times 0.5\% \times 10}{30} = 727.917 \text{ (đồng)}$$

❖ Định khoản:

a. Nợ 112: 436.750.319

Có 131 : 436.750.319

b. Nợ 635 : 727.917

Có 131 : 727.917

Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911.

3.2.4 Giải pháp 4: Nên áp dụng công nghệ kỹ thuật vào công tác kế toán.

- Trong điều kiện khoa học phát triển như hiện nay thì tin học được vận dụng một cách rộng rãi. Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á cũng đã vận dụng tin học vào công tác quản lý cũng như công tác kế toán nhưng chưa triệt để. Công ty chưa áp dụng các phần mềm kế toán dẫn tới chưa tiết kiệm lao động, báo cáo số liệu chậm, độ chính xác không cao. Vì vậy đề nghị công ty áp dụng phần mềm kế toán để sử dụng trong công tác hạch toán.

- Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như: MISA SME.NET2012, FAST, DMA, ASOFT, METADATA, G9,…

Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán là:

- Phần mềm được xây dựng thống nhất với các chế độ kế toán hiện hành.

- Hiệu quả vượt trội, tính năng cao: Phần mềm giúp tiết kiệm được rất nhiều thời gian và nhân lực so với kế toán thủ công. Phần mềm cho phép thực hiện tự động các bút toán, phân bổ kết chuyển cuối kỳ dựa trên những thông tin khai báo, cũng có thể dễ dàng sửa chữa khi sai sót.

- Đơn giản, đầy đủ, dễ sử dụng: Phần mềm đơn giản, dễ sử dụng có sự chuyên môn hóa cao. Phần mềm kế toán giúp người sử dụng xem từ chi tiết đến tổng hợp và ngược lại, giúp người dùng lập báo cáo tài chính ở bất kỳ thời điểm nào.
- Bảo mật, an toàn dữ liệu: Phần mềm kế toán có tính bảo mật cao, giúp bảo vệ dữ liệu cho người sử dụng.

KẾT LUẬN

Nền kinh tế của nước ta đang càng lúc càng phát triển và nhanh chóng hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu, do đó các doanh nghiệp cũng phải phát triển không ngừng để có thể đứng vững trên thị trường. Trong nền kinh tế thị trường thì thông tin kế toán đóng vai trò hết sức quan trọng quyết định sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp. Vì vậy, để phát huy được vai trò đó một cách tốt nhất thì kế toán phải thực hiện doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh để đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất với mức chi phí thấp nhất.

Sau một thời gian thực tập tại Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á cùng với những lý luận đã được học tại trường đã giúp em nhận thức được vai trò quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Tuy nhiên báo cáo của em không thể tránh khỏi những thiếu sót do trình độ chuyên môn còn hạn chế. Em rất mong sự quan tâm giúp đỡ của các thầy, cô giáo để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của Thầy giáo- Thạc sĩ Phạm Văn Tưởng, các thầy cô Khoa Quản Trị Kinh Doanh và các cô chú nhân viên phòng Kế toán đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Sinh viên

Ngô Thị Thanh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2001), *Quyết định số 149/2001/QĐ- BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam*.

2. Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Đông Á(2016), *Sổ sách kế toán Công ty*.

3. Bộ Tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển I Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.